

Hương Thiên

TUYỂN TẬP VĂN THƠ RA NGÀY 01/7/QUÝ TỶ

25

Vu Lan 2013



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA VĂN NGHỆ

Tình nghiệp đạo tràng Chùa Thường Quang



HT.Thích Thiện Lương (Trưởng ban Trị sự PGQ.8 TP.HCM-giữa), TT.Thích Thiện Tài, NT.Thích Nữ Tấn Thịnh cùng đại diện Quận ủy, UBND, UB.MTTQ Quận 8 do ông Trần Văn Thanh (Ủy viên Ban Thường vụ Quận Ủy, Trưởng ban Dân Vận) làm Trưởng đoàn đã đến thăm viếng điểm an cư kiết hạ chùa Pháp Quang ngày 11/7/2013. *(xem trang 88)*



TT. Thích Chơn Tịnh, Trụ trì
chùa Thường Quang, Phó Ban
TTXH báo Giác Ngộ



Chùa Thường Quang
điểm ACKH dành cho chư Tăng
(Ảnh Đức Tổ)

HƯƠNG THIỀN 25

BAN CỐ VẤN

HT. Thích Hiển Pháp

HT. Thích Giác Quang

HT. Thích Nhật Quang

Nhà thơ Phạm Thiên Thư

Nhà văn Nhật Chiêu

BAN BIÊN SOẠN

TT. Thích Thiện Tài

NS. Thích nữ Như Trí

Nhà báo Nguyễn Đức Tố

CHỦ BIÊN

Nhà báo Phan Cát Tường

TRỤ SỞ

ĐC: 304 Bông Sao, P.5, Q.8, TP.HCM

ĐT: (08)38503410 - 0913724043

E-mail : phancattuong@gmail.com

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA-VĂN NGHỆ

TP. HỒ CHÍ MINH - 2013

MỤC LỤC

3. Thích Thiện Tài Lá thư Ban Biên soạn
4. Nguyễn Nhã Tiên Nhật vàng phai
9. HT. Tuyên Hóa Cảnh giới Thiền
17. Ian Prattis Lắng nghe thật sâu
22. Thích Nguyên Hùng Phản văn niệm Phật
24. TS. Huệ Dân Aum
30. Đại sư Đàm Loan Không thể nghĩ bàn
33. Nguyễn Duy Nhiên Hạnh phúc nơi này
37. Inrasara Thần Shiva và triết lý Nhất Thể
41. Thích Nhất Hạnh Bông hồng cài áo
48. Nghệ sĩ Bạch Tuyết Bốn bài thơ Thiền
56. Thường Chiếu Hành hương Thiếu Lâm tự
65. Hương Thanh Thiền và Stéven Paul Jobs
73. Thích Giác Quang Đức Mẫu Trầu
80. Lạc Vinh Phật Thầy Tây An
85. Nguyễn Văn Kỳ Tây An Cổ Tích tự
88. Nguyễn Đức Tố Phật giáo Q.8, TP.HCM

Thơ: HT.Thích Thiện Phước, Nghệ sĩ Bạch Tuyết, Trần Thoại Nguyên, Nguyễn Nhân, Nguyễn Văn Kỳ, Thạch Trung Già, Thích Thiện Tài, Nguyễn Hải Thảo, Lê Tất Sĩ.

Nhạc: Phạm Thế Mỹ

Những cơn mưa cuối tháng Sáu tuy có nặng hạt nhưng cũng không làm chậm lại bước chân của những bà Mẹ quê đang tất bật công chuyện đồng áng, chuyện học hành, thi cử của con cái. Người Mẹ gắn liền với sự lo toan. Ví như cánh tay Mẹ dài như dây Trường Sơn cũng không đủ để ôm nỗi lo toan chuyện đời của Mẹ.

Vì lẽ đó mà tự ngàn xưa, loài người đã có tục thờ Mẫu. Mẫu chính là Mẹ. Kinh Dịch, bộ kinh có cách nay gần 2.800 năm đã đưa người Mẹ vào vị trí thứ hai trong 64 quẻ của kinh. Vị trí thứ nhất là quẻ Càn (Trời-Cha), vị trí thứ hai là quẻ Khôn (Đất-Mẹ). Nếu như tượng quẻ Càn là toàn hào dương với 6 vạch liền, thì tượng quẻ Khôn chỉ toàn hào âm với 6 vạch đứt đôi. Mẹ phải phân đôi thân mình để cho ra đời sự sống mới. Mẹ phải phân chia tâm hồn mình ra để lo toan chuyện trong ngoài. Chính vì thế Mẹ không còn nguyên vẹn hình hài lẫn tâm trí. Mẹ trở thành biểu tượng của sự hy sinh.

Kinh Phật đã mượn hình ảnh Mẹ Quán Thế Âm bồng trên tay hài nhi để diễn tả đức tính Từ Bi. Phật giáo xem trọng đức Từ Bi nên luôn thờ phụng Bồ Tát Quán Thế Âm và luôn đặt Ngai trước sân chùa. Phật còn nói về Mẹ ở kinh Vu Lan Bồn, trong đó Phật dạy A-Nan cách phân biệt xương khô của đàn ông, đàn bà:

*“Đàn ông xương trắng nặng oằn
Đàn bà xương nhẹ, đen thâm để nhìn.
Người có biết có chi đen nhẹ?
Bởi đàn bà sanh đẻ mà ra
Sanh con ba đầu huyết ra
Tám hộc, bốn đầu sữa hòa nuôi con...”*

Đó là một trong những đoạn kinh văn hay nhất dạy về Nhân thừa làm xúc động lòng người. Bao nhiêu thứ triết lý cao thâm để diễn tả những tinh hoa của loài người cũng không bằng một bài học vỡ lòng về sự hy sinh của Mẹ. Vì thế, hiếu thảo với Mẹ phải là điều kiện hàng đầu để xác nhận về phẩm cách một con người.

Thích Thiện Tài

Nhặt vàng phai

Nghe gọi tên như thể dễ tưởng chừng như đi... nhặt thơ, như vọng tưởng những thi sĩ mùa thu đang trở về bằng bước chân của gió, gọi hồn cây lá xào xạc những âm vang, hoặc nghe tiếng “Thời gian lặng rớt một dòng buồn tênh” (Lưu Trọng Lư).

Hoặc xa hơn nữa, xưa hơn nữa là cụ Tam Nguyên Yên Đổ “Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái”. Không hề như thế. Mùa thu đến cùng tôi sớm hơn những thi sĩ - người gieo rắc những hạt giống phong vàng đầy cảm dỗ để sinh nở ra những mộng寐 hoang đường, ra bao tình yêu huyền thoại.

Chiếc lá vàng đầu tiên tôi không nhặt lên từ những câu thơ, mà chính là từ đôi bàn tay xương xẩu của mẹ tôi - Người nông dân, suốt một cuộc đời thủy chung cùng đất đai cây trái vườn tược.

Cho mãi đến tận bây giờ, tôi vẫn tin một cách cuồng tín rằng: Chiếc lá nhạy cảm nhất với mùa thu là chiếc lá trầu vàng. Trong vườn mẹ, tín hiệu mùa thu mà tôi nghe thấy được đầu tiên chính là từ hàng trầu rụng rơi chao liệng đầy trước hiên nhà. Không biết vì có gì mà người quê tôi thường hay trồng trầu dưới những gốc cây chim chim. Rồi theo tháng ngày trầu tốt tươi bò lên xoay quanh từ gốc đến ngọn cây như là nợ duyên tiền định của một lứa đôi. Ở những nơi khác, có khi người ta trồng trầu dưới gốc cây cau hoặc là gốc sấu đông. Làng tôi ít như thế, chẳng rõ từ bao giờ, hầu như cây chim chim là cây mà số phận dành cho trầu gọi gấm suốt cuộc đời. Và hễ chớm thu, là trước mọi loài cây lá khác, lá trầu vàng sớm nhất và đẹp hơn bất cứ mọi giống loài cây lá khác. Đến độ, trầu rụng rơi cũng trong tư thế chao liệng đẹp nhất. Không phải bằng cái

nhìn cảm tính, qua khúc xạ hồi ức soi về, kỷ niệm hiện lên lung linh để tôi hoang đường tưởng tượng ra, hoặc lãng mạn ca cảm bài ca lá trầu vàng giàu chất sử thi. Mà quả thật, từ con mắt tuổi thơ, tôi đã biết ngồi ngắm nhìn dọc theo suốt hàng trầu trút lá vàng bay chấp chới, rồi nhẹ nhàng đậu xuống sáng ửng trước thềm hiên, có khi gió còn đưa đầy trầu vàng bay khắp cả sân, cả ngõ.

Mỗi lần như thế, sau khi thỏa thích ngồi nhìn trầu bay lượn giống như những cánh diều nhỏ nhắn lơ lửng trong gió thu, tôi lon ton chạy theo mẹ nhặt trầu rụng. Cứ độ chừng vài mươi lá là ghép thành một xấp kẹp lại. Hai mẹ con cứ thế, làm cái công việc như đùa với gió thu cho đến khi chiếc thúng của mẹ chất đầy những kẹp trầu là mẹ tôi gánh lên chợ bán. Lạ lùng là tiền bán được trầu nhặt từ những cơn gió thu, mẹ tôi không hề tiết kiệm như những loại cây trái khác

trong vườn, mà tất cả tiền trâu bán được mẹ đều mua quà cho chị em chúng tôi. Cũng có khi tiền bán trâu rụng được khảm khá, mẹ sắm sửa luôn cho tôi cả quần áo mới. Cũng chính vì những món quà hào phóng ấy, nên thường mỗi độ thu về là chúng tôi cứ ngong ngóng nhìn lên hàng trâu trước sân nhà chờ đợi, một sự chờ đợi cũng đẹp đẽ như cổ tích “hú trái thị rút bị bà già” không hẳn một dấu bụi nào.

Một điều lạ lùng hơn thế nữa, chính vì điều này mà tôi dám so sánh mẹ với bao thi sĩ mùa thu vang bóng. Ấy là, mẹ tôi cũng biết làm... thi sĩ. Cách cảm nhận này thì cho đến khi lớn khôn, xa quê rồi tôi mới nhận ra. Mẹ làm thi sĩ không tài hoa và cũng chẳng giỏi giang chữ nghĩa như người ta, mà giống như những chiếc lá trâu vàng rụng rơi vậy! Rơi một cách “thơ” không có cây lá nào sánh kịp. Rơi nghiêng nghiêng, rơi chậm chậm, la đà, nhẹ nhàng và bình yên đến độ, tưởng chừng như đậu hoài vào con mắt tuổi thơ và không chịu rơi xuống mặt đất lấm lem cát bụi. Mẹ lom khom lượm

trâu vàng rụng, hay mẹ đang làm thơ mà nhiều lần tôi thấy mẹ chạy theo lá vàng bay chừng muốn quên đi tuổi tác. Hình như những lúc như thế tôi thấy mẹ trẻ ra hơn bất cứ bao giờ!

Bây giờ thì mẹ đã người xưa. Những vườn trâu đẹp đẽ như thế ở quê tôi cũng không còn mấy nữa. Cũng có thể mười mười năm nữa thôi, trâu cũng... người xưa nốt. Có còn bao nhiêu người ăn trâu nữa đâu mà trông với trọt! Nhưng đó là dự cảm, là nỗi buồn của mai sau, còn bây giờ trời vẫn đang thu. Một ngày bất chợt tôi về làng cùng với những ngọn gió phong phanh se se chớm lạnh. Làng tôi bây giờ gần như phố thị, điện đóm đầy trời, quán xá nhạc nhí vang ùm tòi đầu trên xóm dưới. Nhà đúc nhà xây chen chúc. Những vườn tược của từng nhà dường như cũng đã được thu hẹp lại thiếu chỗ cho chim chóc bay về. Và vì thế mùa thu cũng cô đơn như số phận những nhánh trâu ụt èo dần hồi lùi vào cổ tích.

Nhưng ơ kìa, một góc vườn nhỏ nhoi nhà ai loáng thoáng như

bóng dáng mẹ tôi đang nhặt trầu rụng. Là cảm giác mơ hồ tưởng ra đây thôi, biết thế nhưng sao lòng se sắt khi nhìn bà cụ già đang lom khom nhặt trầu vàng dưới gốc sấu đông. Giống cây chim chim làng tôi cũng đã tuyệt chủng từ lâu rồi, chỉ còn lại lẻ loi vài nhánh trầu thưa thớt vàng phai buồn tẻ bay trong gió. Có vẻ như bà cụ không nghe thấy những gì xung quanh, mãi mê một cách lặng lẽ âm thầm, dường như thế giới này chỉ còn mỗi cụ và cái cây sấu đông chờ vợ mấy nhánh trầu lụa thưa vàng rụng. Và rồi cũng như mẹ tôi ngày xưa, đôi lúc bà cụ không đợi trầu vàng rơi xuống mặt đất đã vội hứng bắt lá rơi theo chiều ngọn gió đung đưa, trông cứ như đùa, cứ như muốn bay lên! Có điều, nhìn bà cụ, tôi không có cái cảm giác giống như ngày xưa thấy mẹ mình trẻ ra, mà là hiu hắt, mà là lắt lay lay phay giữa gió thu nghiêng ngửa, lụa thưa dăm lá trầu vàng phai như bay vào đậu giữa lãng quên !

Gửi Em Trời Hội Cũ

TRẦN THOẠI NGUYỄN

(Cho em trai TRẦN BIỆN)

Em yêu dấu! Khung trời hội cũ
Cánh cò bay trắng nắng đồng vàng.
Đêm trăng sáng đường tre im phắc
Hồn mình để vườn nội gáy vang.

Từ độ xa quê hồn kiêu bạc
Anh đi cát bụi đời ước mong.
Vần trăng thơ ấu mờ xa khuất
Lá tháng năm rơi xác xao lòng!

Anh đã vịn vần thơ bắt mộng
Cõi người như khách lạ hành hương!
Hơi sông trắng thơm tho nguồn sống,
Biết anh còn để lại gì không?

Chiêm bao anh thấy em đùa nắng
Quanh gốc khế vàng hoa cải lay.
Xa cách bao năm giờ tóc trắng
Vườn xưa em ở giữ hồn này.



Cảnh giới Thiên

Ngồi Thiên, ngồi tới lúc trong không có thân tâm, ngoài không có thể giới, xa gần đều trống rỗng thì mới đạt đến chỗ không có ngã-tướng, không có nhân-tướng, không có chúng-sinh-tướng, không có thọ-giả-tướng; cũng là lúc “tâm quá khứ không có, tâm hiện tại không có, tâm vị lai cũng không có.”

Đạt tới cảnh giới này chưa phải là đắc được công phu thật sự, cũng chẳng có gì đặc biệt đâu.

Dù quý vị ngồi được một giờ, hay ngồi được mười giờ, nhẫn đến ngồi suốt một tháng, mười tháng, đó chẳng qua là công phu của quý vị có được chút ít tương ưng, chỉ mới được chút ít cảnh giới khinh an mà thôi.

Trải qua cảnh giới nhẹ nhàng khinh an, cứ tiếp tục tham Thiền thì quý vị sẽ nhập cảnh giới Sơ-Thiền.

TỪ SƠ THIÊN ĐẾN TỨ THIÊN

Sơ-Thiên-Thiên gọi là “**Ly Sanh Hỷ Lạc Địa**,” tức là cảnh giới xa rời những lạc thú của chúng sanh. Tại cảnh giới “**Ly Sinh Hỷ Lạc Địa**,” quý vị rất mau nhập Định. Trong lúc nhập Định, hơi thở sẽ ngừng hẳn-không ra không vào, không đi không đến-giống như con rùa tới mùa đông thì rụt đầu vào mu, đình chỉ sự hô hấp bên ngoài, song sự hô hấp ở bên trong vẫn tiếp tục. Đó là hiện tượng “đông miên.” Người tham Thiền, khi nhập Định thì ngừng thở, nhưng khi xuất Định thì vẫn hít thở như thường. Quý vị hãy chú ý! Tới cảnh giới này quý vị chớ khởi vọng niệm: “A! Ngừng thở rồi!” Khi vọng niệm ấy nảy sinh thì hô hấp sẽ tiếp nối ngay. Do đó không thể thiếu cảnh giác, bằng không quý vị sẽ lỡ mất cơ hội và phải làm lại từ đầu.

Từ Sơ-Thiên, nếu quý vị tinh tấn tu tập thì sẽ nhập Nhị-Thiên. Nhị-Thiên-Thiên gọi là “**Định Sanh Hỷ Lạc Địa**,” tức là trong cảnh giới Định, niềm hỷ lạc

sanh khởi. Nên có câu:

Thiền duyệt vi thực, Pháp hỷ sung mãn.

(Thiền vị là thức ăn, sung mãn niềm vui Pháp.)

Nhập cảnh giới này, chẳng những ngừng thở, mà tim cũng ngừng đập. Mạch tim chỉ ngừng chớ không phải dứt hẳn, nên khi xuất Định sẽ trở lại bình thường.

Từ Nhị-Thiên, nếu quý vị tiến tu thì nhập Tam-Thiên. Tam-Thiên-Thiên gọi là “**Ly Hỷ Diệu Lạc Địa**,” nghĩa là xa rời mọi sự hoan lạc thô thiển, chỉ còn niềm vui vi tế, vô cùng vi diệu. Nhập cảnh giới Ly Hỷ Diệu Lạc Địa, thì không những hơi thở ngừng, tim hết đập, mà ý niệm cũng dứt hẳn, hết như một người chết vậy. Lúc ý niệm dứt thì mọi vọng tưởng mộng lung cũng dứt.

Khi hơi thở ngừng lại máu huyết hết dưỡng khí nên sự tuần hoàn cũng đình chỉ, do đó tim cũng không đập, không còn có mạch nữa. Lúc ấy tạp niệm chẳng còn. Giả sử hơi thở là gió, mạch là sóng, mà ý niệm là nước-nếu gió im thì sóng lặng, nước tự nhiên yên tịnh. Đó chính là đạo lý “gió

ngừng, sóng lặng” vậy. Đây là tác dụng tạm thời lúc nhập Định chứ không phải là dứt hẳn như khi chết. Lúc nào muốn phục hồi hơi thở hay mạch đập thì chúng lại hoạt động bình thường.

Từ Tam-Thiền mà tinh tấn tu Thiền-định thì nhập cảnh giới Tứ-Thiền. Tứ-Thiền-Thiền gọi là “**Xả Niệm Thanh Tịnh Địa**,” nghĩa là xả bỏ niềm vui vi diệu của Tam-Thiền, tâm niệm thanh tịnh. Hơi thở ngừng, huyết mạch ngừng, ý niệm ngừng; song cảnh giới ấy cũng phải xả bỏ luôn thì lúc đó bản tánh Chân-như thanh tịnh mới hiện tiền. Cảnh giới này, quý vị chớ nghĩ lầm là xuất sắc hay đặc biệt, bất quá chỉ là ở cõi Tứ-Thiền mà thôi, chưa phải là cảnh giới chứng đắc Đạo-quả. Đây vẫn còn là địa vị phàm phu, bởi vì dục vọng chưa đoạn tuyệt. Từ cảnh giới này, nếu quý vị tu phép Tà-định của ngoại đạo thì sẽ nhập Vô Tướng Thiên, thọ hưởng cảnh giới vô cùng an lạc. Nhưng nếu quý vị tu phép Chánh-định thì sẽ nhập Ngũ Bất Hoàn Thiên, tức là cảnh giới của bậc chứng quả.

ĐỐI CẢNH VÔ TÂM

Nếu chúng được Sơ-quả A-la-hán, tức là quả vị Tu-đà-hoàn, thì không những khi nhập Định không còn vọng niệm, mà khi đi đứng nằm ngồi đều chẳng có vọng tưởng, chẳng có chấp trước. Đạt được Sơ-quả thì chỉ mới đoạn được tám mươi tám phẩm kiến-hoặc (sự mê mờ do cái thấy) trong Tam-giới mà thôi. Hãy còn bảy vòng sinh tử nữa, chứ chẳng phải chúng Sơ-quả là nhập Niết-bàn được đâu. Lúc chúng được Sơ-quả, bất luận là gặp cảnh giới gì cũng không bị dao động, “đối cảnh vô tâm” (gặp cảnh, không khởi tâm tưởng), duy chỉ có Đạo-tâm, chuyên nhất tu Thiền. Giả như cảnh giới bên ngoài có trang nghiêm, đẹp đẽ ra sao, như là gái đẹp, trai bảnh, cũng không thể làm cho tâm quý vị dao động. Lúc bấy giờ quý vị cũng chẳng tham tiền, tham sắc, tham danh, tham ăn, hay tham ngủ nữa. Mọi thứ đều không tham thì mới có thể gọi là chứng quả. A-la-hán Sơ-quả đi không gây ra tiếng động bởi vì chân họ cách xa mặt đất ba phân. Vì sao vậy? Vì thánh-nhân đắc

quả có lòng từ bi, sợ rằng sẽ đập chết các côn trùng nhỏ, nên mới đi trong hư không.

Trong số Phật tử có kẻ chưa khai ngộ mà cứ tự rêu rao là đã khai ngộ, đó là hành vi không thể chấp nhận được. Dù thật quý vị đã khai ngộ, quý vị cũng không nên khoe khoang: “Tôi khai ngộ rồi! Tôi có Ngũ-Nhãn Lục-Thông rồi nè!”. Quý vị chớ tự tuyên truyền, tự mình quảng cáo cho mình; vì như thế thật chẳng có ý nghĩa gì cả.

HÀN SƠN – THẬP ĐẮC THIÊN SƯ

Ngay cả Phật và Bồ-tát, các Ngài cũng không tự tuyên truyền, tự quảng cáo. Nếu có ai biết vị này là Bồ-tát hay vị kia là Phật hóa thân thị hiện ở thế gian, thì các Ngài liền biến mất. Đời Đường có hai vị Đại-sư, một vị là Hàn Sơn, một vị là Thập Đắc. Hàn Sơn là hóa thân của Đức Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát, còn Thập Đắc là hóa thân của Đức Phổ Hiền Bồ-tát. Cả hai ngài Hàn Sơn và Thập Đắc vốn là quý vị đồng tu rất thân với nhau. Ngài Thập Đắc khi còn thơ ấu được Phương-trượng Phong Can

đem về chùa Quốc Thanh nuôi nấng và dạy bảo. Ngài Thập Đắc chuyên việc nấu nước trong nhà trù và mỗi ngày góp nhặt đồ ăn thừa cho vào ống trúc đem cúng dường ngài Hàn Sơn. Ngài Hàn Sơn thì ngụ ở động Nguyệt-quang trên núi Thiên-thai, mỗi ngày tới chùa Quốc Thanh nhận đồ thừa để ăn. Hai ngài tâm đồng ý hiệp, thường cười đùa bốn cột với nhau, nên cả chùa ai cũng cho các ngài là hai người điên, chẳng ai đếm xỉa gì đến họ cả. Không ai biết rằng hai ngài là Bồ-tát hóa thân, du hý ở nhân gian để cứu độ những chúng sanh cần được độ.

Một hôm, quan Thái-thú Lã Khu Yê tới gặp Hòa-thượng Phong Can và hỏi rằng: “Thưa Thiên-sư, trong quá khứ chư Phật và Bồ-tát thường hóa thân tới thế giới này, vậy thời nay chư Phật và Bồ-tát có còn hóa thân tới cõi này nữa hay không?”

Ngài Phong Can đáp: “Có chớ! Bất quá ngài không nhận ra mà thôi. Bây giờ tại chùa Quốc Thanh núi Thiên-thai, vị Thầy chuyên nấu nước ở nhà trù chính là Phổ Hiền Bồ-tát đấy. Thầy có

một người bạn là Hàn Sơn, tức là Văn Thù Bồ-tát. Sao ngài nói chẳng có ai?”.

Lã Thái Thú nghe xong rất vui mừng, bèn đi gấp đến chùa Quốc Thanh để đánh lễ hai vị Bồ-tát Hàn Sơn và Thập Đắc.

Thầy Tri-khách Chùa Quốc Thanh thấy quan Thái-thú đến viếng thì ân cần tiếp đãi. Nhưng khi nghe vị quan này muốn gặp Hàn Sơn và Thập Đắc thì ngạc nhiên vô cùng, chẳng biết vì sao ông ta lại muốn gặp hai người điên này. Tuy không hiểu được lý do, Thầy cũng dẫn quan Thái-thú tới nhà trụ. Bấy giờ đúng lúc hai ngài Hàn Sơn và Thập Đắc đang cười nói bô bô như hai kẻ điên khùng khiến ai cũng nực cười. Nhưng Lã Thái Thú vô cùng cung kính đánh lễ hai Ngài, rồi cũng hết sức cung kính thưa: “Đệ tử là Lã Khuru Yên xin thỉnh cầu quý Đại Bồ-tát từ bi dạy bảo cho kẻ mê muội này!”

Ngài Thập Đắc hỏi: “Ông làm gì thế?”.

Thái-thú đáp: “Con nghe Hòa-thượng Phong Can dạy rằng hai Ngài là hóa thân của Đức Văn Thù và Đức Phổ Hiền. Bởi vậy

con đặc biệt tới đây để xin đánh lễ và khẩn cầu quý Ngài khai thị cho con.”

Ngài Thập Đắc nghe xong thì vừa thụt lùi vừa nói: “Ngài Phong Can nói nhảm! Ngài Phong Can nói nhảm! Ngài Phong Can là hóa thân của Đức A Di Đà, sao không lạy Ngài mà lại tới đây quấy rầy chúng tôi?”.

Nói xong thì chạy ra khỏi chùa, lên tới động Nguyệt-quang núi Thiên-thai rồi, cả hai ngài nhập vào vách đá. Thái-thú thấy vậy vô cùng thất vọng bởi vì hai vị Bồ-tát đã ẩn mình trong vách đá, không ra nữa. Ông ta nghĩ thầm: “Thôi hãy về lạy Đức Di Đà vậy!”; nhưng khi y về tới chùa thì mới hay Ngài Phong Can cũng đã viên tịch. Đúng là “đang diện thác quá” (vuột mắt cơ hội trước mắt). Cho nên có câu rằng:

“Đôi diện với Đức Quán Thế Âm mà chẳng nhận ra được Ngài.”

Trong Thiên-đường này cũng có Quán Thế Âm Bồ-tát, song tôi không thể tiết lộ cho quý vị biết được, để Ngài khỏi bị quý vị đuổi chạy mất!

Chút hương cho Mẹ

Tùy bút Nguyễn Hải Thảo

Cách đây vài năm, tại một tiệm cơm chay quen, tôi thường gặp một ca sĩ khá nổi tiếng thường đưa mẹ đến đây dùng bữa. Tôi đã nhìn thấy cảnh cô mở cửa xe, dìu mẹ đi từng bước chậm chạp, đỡ cánh cửa cho mẹ, kéo ghế ngồi cho mẹ. Nhìn cách cô chăm sóc bà cụ một cách chu đáo trong lúc ăn, tôi bỗng nhớ đến mẹ tôi đã qua đời, và tôi ước ao phải chi tôi cũng còn mẹ. Nhưng phải hổ thẹn để nói thêm rằng, nếu mẹ còn sống, liệu tôi có chịu khó đưa mẹ già vào tiệm ăn như cô ca sĩ kia đã làm không, hay chọn cách an toàn hơn là để mẹ ở nhà và mua về cho mẹ một món ăn ngon, như thế cũng gọi là hiếu thảo!

Tôi biết bà mẹ già kia hẳn rất vui khi được con gái đưa đi ra ngoài, nhìn cảnh phố xá và sinh hoạt như một người trẻ tuổi, khỏe mạnh. Tôi chưa gặp lần nào cô đi với bạn trai hay bạn gái đến hiệu ăn này, mà lúc nào cũng gặp cô đi với mẹ. Máy ai đã làm được điều đó! Chúng ta thường thấy trong các hiệu ăn, bà mẹ dắt bé con nhỏ theo, có ghế cao dành cho

trẻ, choàng khăn vào cổ cho con, dứt cho con từng muỗng cơm hay phở, chịu cảnh đồ tháo vương vãi mà vẫn vui vẻ, nhưng ai đã chịu chăm sóc bố mẹ già trong tình huống như thế?

Con người có hai giai đoạn yếu đuối nhất là lúc trẻ thơ và khi tuổi già. Tuổi thơ không có kinh nghiệm sống và sống theo bản năng, chưa có trí tuệ, không biết hồi tưởng. Tuổi già có kỷ niệm, có cuộc đời đã trải, thiếu thốn biết đau khổ vì có sự so sánh và cũng yếu đuối, đôi khi trở thành ngờ nghệch như đứa trẻ “người già bằng ba con nít” và cũng thật thà “ra đường hỏi người già, về nhà hỏi con nít”. Cả hai đều đáng cho xã hội lo âu chăm sóc, vì vậy mà chúng ta có nhà giữ trẻ, hay viện dưỡng lão. Trên xe bus, xe lửa luôn dành chỗ ưu tiên cho người già, các hiệu buôn giảm giá cho các vị cao niên. Người xưa có câu “kính lão đắc thọ”, vì tuổi già là nơi chúng ta sẽ đến, không ai tránh được, đạo lý ấy rất đáng được lưu tâm.

Một đứa trẻ đói, lạnh hay gặp

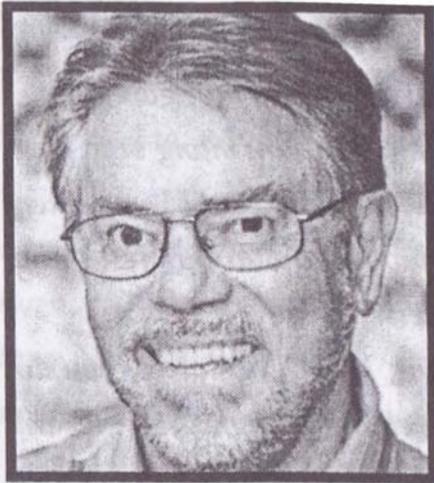
điều bất như ý không cảm thấy khó chịu và khổ tâm bằng người già, nên người già đáng được xã hội quan tâm hơn con trẻ, và tôi thà có một tuổi ấu thơ nhọc nhằn hơn là một tuổi già vất vả, nghèo đói và khổ tâm. Chúng ta đã thấy cảnh những bà cụ ở vào tuổi 80 còn buôn gánh, bán bưng, vất vả ở vệ đường, hoặc sớm khuya ra ruộng mò cua bắt ốc, tội nghiệp và xót xa biết chừng nào!

Là người, ai cũng được dạy dỗ phải biết thương yêu, dạy dỗ và bảo vệ con cái; tượng trưng là con gà mẹ kiếm mồi nuôi con, xòe đôi cánh để bảo vệ sự tấn công của điều hâu hay cánh chim mẹ tha mồi về tổ mớm cho con... Nhưng thật hiếm thấy hình ảnh đẹp đẽ nào nói đến con cái chăm lo cho bà mẹ già và cũng yếu đuối không thua gì trẻ thơ! Ông bà mình có câu “nước mắt chảy xuôi” để ám chỉ điều này. Người đời ai cũng thương yêu con, nhưng phải là người có giáo dục, văn hóa lắm mới biết hết lòng, chiều chuộng, chăm sóc ba mẹ.

Ngày nay, các con thường than phiền về việc cha mẹ ăn uống đồ tháo, vụng về nhưng không nhớ thời mình ấu thơ. Ngày nay, con cái than phiền cha mẹ lắm cảm, nói dai,

nhưng lại quên ngày còn nằm trong nôi, chúng ta đã vùi mẹ kể đi kể lại từng đêm và nhiều đêm, lặp đi lặp lại mỗi câu chuyện “Tám Cám” hay “Cô bé choàng khăn đỏ”! Ngày nay, mỗi lần phải chỉ dẫn cho bố việc sử dụng máy móc như máy vi tính, thấy bố chậm hiểu thì dậm ra gặt gồng, khó chịu, mà không nhớ ngày bố ngồi bên chúng ta, cầm tay nắn nót từng chữ thuở ban đầu hay kiên nhẫn sửa cho con những từ đọc sai. Ngày nay, bố mẹ gặp khó khăn phải nhờ con, ở chung dưới mái nhà của con, thì con cái lại xem đó là một gánh nặng, khiến bố mẹ tủi thân, mang mặc cảm chịu cảnh “ăn đậu, ở nhờ” mà quên đi ngày nào “nhà của bố mẹ là nhà của các con”.

Bây giờ, lễ Vu Lan lại về, nếu đó là dịp để chúng ta nghĩ đến mẹ, thì cô ca sĩ tôi nói chuyện ở đầu bài viết này hẳn nhớ đến mẹ rất nhiều, nhất là mỗi lần có dịp trở lại tiệm cơm chay này. Thình thoàng, tôi vẫn trở lại đây, nhưng đã lâu tôi không hề gặp cô. Tôi nghĩ, có thể mẹ cô đã qua đời hay đã lúc mê lúc tỉnh trong nhà dưỡng lão nào đó. Và những lúc ấy, khóe mắt tôi bỗng chợt cay cay...



Ian Prattis là Giáo sư Nhân chủng học và Tôn giáo học tại trường Đại học Carleton ở Ottawa, Canada. Bài viết này là một trong những bài tham luận của ông đã đóng góp cho Đại lễ Phật đản Liên Hiệp Quốc 2008 được tổ chức tại Mỹ Đình, Hà Nội.

Giáo sư Ian Prattis thọ học Phật giáo Tây Tạng với Lama Tharchin vào đầu thập niên 1980. Ngoài ra, ông còn tham cứu cách tinh tâm của Thiên Chúa giáo với các vị Giám mục thuộc truyền thống Biển Đức và học pháp Du-già Siddha Samadhi thuộc truyền thống Veda ở Ấn Độ và dạy thiền ngay tại mảnh đất tâm linh Ấn Độ này.

Ông thành lập Tăng Thân Cửa Tùng theo phong cách của thầy Nhất Hạnh với mục đích là thiết lập một trung tâm tu học ở Gatineau Hills và mở các khóa thiền tập hướng dẫn mọi người tu học.

Ông cùng với Tăng Thân Cửa Tùng tích cực nỗ lực tham gia hóa giải các vấn nạn của xã hội mà Phật giáo nhập thế quan tâm.

Lắng nghe thật sâu

HẠNH PHÚC LẮNG NGHE

Tôi diễn giải ba cấp độ lắng nghe thật sâu cho bạn tôi.

Cấp độ đầu tiên có ý nghĩa tối thiểu nhất đó là vận dụng trí óc. Ở đây tôi dựa vào nền kinh điển đạo Phật để phân tích chi tiết khái niệm cơ bản thế nào được gọi là lắng nghe sâu. Chính đây là điểm xuất phát trên lộ trình tu tập, mặc dù chúng ta thấy cấp độ này không mấy quan trọng, chỉ hướng dẫn chúng ta hiểu được khái niệm của pháp thực tập mà thôi. Cũng có thể nói bước thực tập đầu tiên này là thực tập về tri thức. Và rồi dần dần tôi bắt đầu nhận ra được lắng nghe thật sâu là hoa trái hay kết quả của việc thực tập chánh

niệm. Như vậy cấp độ thứ hai trong thực tập chánh niệm đó là lắng nghe thật sâu.

Lắng nghe thật sâu không chỉ đơn thuần là “lắng nghe” không thôi. Tôi kinh nghiệm thêm một sự tiến bộ rõ rệt trong khả năng lắng nghe đó là các phương pháp thực tập thiền hành, chánh niệm trong hơi thở, trong khi ăn và những thực tập khác cũng là nền tảng cần thiết để khả năng lắng nghe tốt hơn. Điều đó giống như một đóa hoa lớn lên từ mảnh đất màu mỡ. Nếu không thực tập chánh niệm trong những cử chỉ, động tác, hoạt động bình thường này, khi lao vào khối công việc và trách nhiệm, tôi làm sao có thể lắng nghe thật kỹ để biết rõ những

gì tôi đang nói.

Vì vậy, một điều quan trọng đối với tôi là thực tập lắng nghe thật sâu song song với chánh niệm trong mọi hành động và mọi lúc.

Sau đó tôi tinh tấn thực tập nhiều hơn và quán chiếu làm thế nào trong công việc và cuộc sống thường nhật tôi vẫn duy trì thực tập lắng nghe thật sâu. Trước đây tôi không hề biết lắng nghe và vì thế đau khổ đã đến với tôi. Tôi không lắng nghe bất cứ điều gì ai đó nói với tôi, chí đến các con trong nhà, tôi cũng không quan tâm chúng nói gì. Tôi nhớ lại nhiều lần các con của tôi thật sự có điều quan trọng muốn nói với tôi, nhưng khi ấy tôi lại quá bận. Tôi đã không thể nào ngừng công việc để hoàn toàn lắng nghe tâm sự của chúng. Nhiều năm trôi qua, bây giờ chúng đã khôn lớn, và tôi nói với từng đứa: *“Cha nhớ lại lúc con nói như vậy, như vậy với cha, nhưng cha đã không để tâm nghe con nói, cha thật sự xin lỗi con.”* Chúng hết sức ngạc nhiên lẫn cảm động và tôi cũng vậy. Thế rồi những rạn nứt và đau khổ của chúng tôi trong khoảng thời gian

dài nay được hàn gắn.

LẮNG NGHE CON TRAI

Đó là nhờ vào thực tập lắng nghe thật sâu. Và lần khác tôi rơi vào một hoàn cảnh tệ hại, khủng hoảng hơn. Con trai của tôi lâm vào cảnh nghiện ngập và sống trong thế giới phi đạo đức ở Glasgow, Scotland. Năm 18 tuổi, con trai tôi đang học tại trường Nghệ thuật Glasgow ở Scotland và một cú điện thoại từ phía bên kia Đại Tây Dương báo cho tôi biết con tôi đang nghiện ngập nặng vô cùng. Sau khi hay tin, tôi sắp xếp công việc và thời gian đến Glasgow. Kể từ ngày chúng tôi ly dị nhau, cậu ta rất buồn và rồi chúng tôi sống xa nhau ở hai lục địa. Chúng tôi đã không gặp nhau vài năm nay, nên cuộc viếng thăm này muộn rồi. Tại sân bay Glasgow, tôi ngại ngùng nhìn cậu quý tử khi thấy cậu ăn diện trong một tóc nhiều màu kỳ quái và bộ trang phục đen. Ngược lại cậu ấy vui mừng khi trông thấy tôi. Cậu ôm tôi thật nồng nhiệt và nụ cười trên môi thật rạng rỡ.

Khi về đến chỗ ở của cậu ta, tôi nhận ra mọi điều thật buồn,

bàng hoàng, hư đốn. Trong phòng không có lấy một quyển sách hay một bức tranh ảnh nghệ thuật nào cả. Cả căn hộ rộng bừa bãi. Sau đó tôi phát hiện ở phố này nhiều thanh thiếu niên thiếu giáo dục, hư hỏng di chuyển đến sinh hoạt, hút và mua bán ma túy. Khi Alexander ra ngoài, ngồi một mình trong căn phòng bẩn thỉu, tôi tự hỏi nhiều điều. Trong bầu không khí băng hoại và vô vọng đó, chợt tôi cảm thấy tuyệt vọng, bất lực. Tôi không biết phải làm thế nào nữa cả. Tôi ngồi yên lặng và thiền định để tâm có thể thanh thản và tĩnh lặng trở lại. Tôi hiểu mình cần phải giúp con tôi từ những gì đạt được kể từ khi thực tập chánh niệm, đặc biệt là khả năng lắng nghe để duy trì sự kiên định, không bị quan, thiền cận trong nhận định đánh giá và đối xử phân biệt. Đó là lúc trở về nương tựa hoàn toàn vào chánh niệm.

Một đêm nọ, nhiều thanh thiếu niên vô đạo đức trong phố đến hỏi tôi rằng tôi có thể dạy cho chúng đi trong chánh niệm. Rõ ràng là con tôi đã kể cho chúng nghe cả rồi. Tôi nói tôi rất vui

lòng hướng dẫn với điều kiện trong thời gian 2 ngày mọi người không được dùng ma túy. Chúng đồng ý và hứa chắc chắn sẽ giữ lời. Hai đêm sau, vào nửa đêm, những người bạn nghiện của tôi chọn một công viên xinh xắn ở Glasgow để thực tập thiền hành. Bên ngoài hàng rào công viên, có một cây chìa vào trong, chúng đỡ tôi lên và chỉ cho tôi trườn theo nhánh cây để vào. Phần chúng, rất đơn giản chúng nhảy phóc qua khỏi hàng rào 15 feet cao và rồi vụng về đón lấy tôi từ cành cây. Khi chúng nhấc chân lên và không còn cười nữa, tôi bắt đầu nói về căn bản của thiền hành, chậm chậm đặt chân phải xuống trong chánh niệm hơi thở, và rồi tôi hướng dẫn chúng giải tỏa, giảm bớt những căng thẳng trong cuộc đời. Tôi vẫn mỉm cười khi nhớ lại cảnh tôi và mấy bạn nhỏ đi chân không trên thảm cỏ mềm và mát rượi trong công viên nhỏ xinh đẹp nhất Glasgow, thở chậm và đi trong chánh niệm hơn 2 giờ đồng hồ. Chúng tôi ngồi trên băng ghế dài, tươi mát với những giọt sương mai, và họ bắt đầu tâm sự

với tôi. Khi tôi lắng nghe họ chia sẻ những mẩu chuyện tâm tư vì sao họ đã đi vào nơi tắm tối này và cuộc sống hiện tại ra sao, bất chợt tôi rơi vào trạng thái tịch tĩnh vô cùng mà trước đây tôi chưa từng có cảm giác như thế. Tôi cảm nhận năng lượng từ ái bao trùm lấy tôi, những người bạn trẻ, công viên, trụ đèn và âm thanh đêm của thành phố Glasgow.

CÁI TÔI BIẾN MẤT

Kinh nghiệm này hoàn toàn thay đổi nhận thức của tôi về lắng nghe sâu. Tôi nói rất ít và tinh thần thật sáng suốt, minh mẫn; nỗi khổ riêng mình để lại đằng sau và tôi đang đi vào vùng đất hoàn toàn mới lạ. Đêm hôm đó, những ý niệm về tự ngã cố hữu lâu nay đều tan biến và cái gọi là “tôi” và “của tôi” cũng biến mất trong khoảnh khắc tôi đang ngồi với các anh bạn trẻ. Cái “tôi” trở thành một phần tử năng lượng, tiếp xúc và thể nhập với những phần tử năng lượng trong mọi vật ở đó – các bạn trẻ của tôi, cỏ, cây, chiếc ghế trong công viên, ngọn đèn đường, âm thanh và vượt qua khoảng không mênh mê. Tôi

không thể tìm ngôn ngữ nào để diễn bày cho tất cả những cảm giác, kinh nghiệm khi ấy. Không gian vượt không gian, thời gian vượt thời gian, trong sự tĩnh lặng đó năng lượng vô biên của vũ trụ tiếp xúc với những hạt giống ý thức sâu thẳm của các anh bạn trẻ khi họ đặt trọn niềm tin và điều kỳ diệu nơi tôi. Chúng tôi ở đó vài giờ đồng hồ trong pháp thực tập chuyển hóa, bốn bề yên lặng và trở về nhà trước lúc bình minh. Từ những nụ cười, vòng tay ôm ghì nhau, chúng tôi nhận thức được mình đã chuyển hóa đôi điều gì đó. Họ đã nói với nhau: “Tôi khám phá ra tôi có thể lắng nghe thật sâu, điều mà tôi chưa bao giờ nghĩ đến và nghĩ mình có thể làm được”. Các bạn trẻ và con trai tôi đã chăm sóc trở lại những hạt giống hy vọng trong họ sau quãng thời gian dài lãng quên.

Tôi ngừng nói và nhìn người bạn đồng nghiệp, anh ấy đang mỉm cười. Tôi đã hiểu.

Lắng nghe tâm niệm

Ban đầu hành giả niệm ra tiếng, nghe tiếng rành rõ, niệm liên tục không cần đếm mấy câu, chỉ có biết âm thanh A Di Đà Phật, vọng tưởng có sinh cũng đừng quan tâm, chỉ chú ý vào câu A Di Đà Phật. Bên ngoài ồn náo hay yên tĩnh gì cũng mặc, cứ lo niệm A Di Đà Phật, niệm đến khi thuần thục, nghe rõ ràng, không bỏ sót một Phật hiệu nào, không duyên theo cảnh ngoài, tâm thích thú với danh hiệu đơn độc A Di Đà Phật do mình khởi phát.

Bây giờ hành giả tập lắng lẽ niệm Phật nơi tâm, nghe rõ từng âm thanh do tâm khởi niệm. Lúc khởi, lúc ngưng, lúc có tiếng, lúc yên lặng đều nhận biết.

Dù nghe thấy biết sự vật chung quanh tâm cũng vẫn khởi niệm luôn luôn không cho gián đoạn, mới còn gắng công, dần dần về sau không gắng công khởi niệm nữa chỉ lắng nghe câu A Di Đà Phật do tâm tự phát ra.

Khi tâm không phát ra được nữa thì hành giả dụng công niệm trở lại, có thể niệm ra tiếng huân tập Phật hiệu vào tâm.

Sau đó lại thả cho tâm tự niệm và chỉ lắng nghe. Cứ như vậy thực hành cho đến khi sự lắng nghe thuần thục, luôn luôn rõ biết không sót các Phật hiệu nơi tâm và đối trước tất cả cảnh duyên, trong tâm vẫn đều đặn tuôn trào Phật hiệu một cách tự nhiên. Khi khởi khi ngưng cũng đều biết rõ. Tâm bên trong và cảnh bên ngoài, hành giả không gì không nhận biết...”

(Trích : Con Đường Tây Phương - Tịnh Sĩ)

Phản văn niệm Phật

Để niệm Phật dễ đắc định, hành giả vừa niệm vừa nghe lại âm thanh niệm Phật của mình. Phương pháp này gọi là phản văn niệm Phật, cũng gọi là Kim cang trì. Hành giả niệm thư thả, tiếng không lớn cũng không nhỏ quá, vừa niệm vừa lắng tai nghe lại tiếng niệm của mình từng chữ một: Miệng niệm, tai nghe, tâm tưởng, ba yếu tố này phải đồng thời tương ứng với nhau. Khi niệm Phật phải niệm cho rõ ràng, bình tĩnh, không ồn ào, không hoảng hốt. Quan trọng nhất là, khi niệm Phật không phải niệm bằng cái miệng, mà cần phải lắng tai để nghe âm thanh niệm Phật của mình, nghe thấy rõ ràng, chú tâm mà nghe, tức là trong tâm của mình cũng đồng thời vừa niệm vừa nghe danh hiệu Phật, mỗi niệm mỗi niệm rõ ràng, trong sáng.

Mục đích của niệm Phật là đạt đến cảnh giới nhất tâm bất loạn, mà muốn đạt đến cảnh giới đó cần phải mặc niệm, tức là phải niệm thầm, niệm bằng ý thức, mà nói chính xác là niệm bằng tâm sở tầm và tâm sở tứ, tức niệm bằng ngôn ngữ của ý.

Mặc niệm, hay niệm thầm, còn gọi là Kim cang trì, tức là đem danh hiệu Phật đặt vào trong tâm, niệm bằng ngôn ngữ của tâm, miệng không phát ra âm thanh. Tuy không niệm ra tiếng nhưng tâm lại nghe được tiếng, đó là tiếng nói hay ngôn ngữ của tâm, gọi là ý ngôn, mỗi chữ mỗi câu đều nghe được rất rõ ràng. Niệm Phật bằng cách này thì từ từ tâm sẽ hướng về một cảnh, ngoại duyên từ từ bị cắt đứt, khi đó chúng ta mới đạt được định.

Hai yếu tố tâm sở tầm và tứ rất quan trọng trong quá trình tu niệm. Tầm là nắm lấy danh hiệu Phật, khởi niệm niệm Phật; tứ là duy trì chánh niệm trong suốt quá trình niệm Phật, tức là khi nào cũng ý thức, chánh niệm, tỉnh giác biết rõ mình đang niệm Phật, chỉ có tâm với danh hiệu Phật, ngoài ra không có bất kỳ một ý niệm nào khác.

Niệm Phật theo cách này thì chỉ cần năm mười phút là mình có được hỷ lạc liền, như trong kinh Phật nói: “Một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ”.



Chữ OM là một phiên âm tiết hay phiên âm vần của những âm thanh được kết lại từ những chữ : A. U. M, trong Phạm ngữ, và cũng là một âm thanh có một không hai trên đời, bởi vì âm thanh vần này bao gồm tất cả sự cấu tạo của vũ trụ và thường dùng trong các câu Thần chú của đạo Phật, đạo Hindu, đạo Giai Na, đạo Sikh, đạo Bà La Môn.

Ý nghĩa chính xác của chữ Om, chưa có tài liệu nào khẳng định một cách xác thực về nguồn gốc của nó, nhưng người ta nghĩ rằng, đây là một chữ mà áo nghĩa của nó chắc chắn có liên quan đến việc tín ngưỡng thuộc về thần linh, thượng đế, đấng tạo hóa... trong tôn giáo Ấn Độ.

THỜI KỲ VỆ ĐÀ

Theo những văn bản ghi chép đầu tiên của kinh Vệ Đà, thì nội dung và ý nghĩa của chữ Om (hay Aum) được xem như là biểu hiện đầu tiên của Brahman qua sự kết hợp của những hiện tượng hình thành trong vũ trụ. Om chính là âm thanh gốc của vũ trụ. Bởi vì những cơ bản trong chiêm tinh học của Hindu có khái niệm: **Tất cả những hiện tượng hình thành trong vũ trụ đều bắt nguồn từ những rung động của Om .**

Có lẽ cũng vì lý do, cho nên tiếng linh thiêng này đồng nhất với vũ trụ, được dùng làm tiền tố và hậu tố trong tất cả các câu thần chú và những thánh ca của Hindu và nó trở thành biểu tượng đại diện tiêu biểu nhất của họ.

Chữ Om hay AUM viết theo mẫu Devanagari là ओम्, Trung Quốc viết là 唵, và Tây Tạng 𑍆. OM phát âm theo tiếng Việt là “ôm” với âm Ô kéo dài âm.

Các biểu tượng của Chữ Om, ओम्, được gọi là Omkar

(ओम् - कार; Omkaar), Onkar (ओंकार; ONkaar), và ओंकार có thể viết một cách khác : ओंकार (ONnkaar).

Chữ Om cũng có tên khác như là Udgitha, hay Pranava.

THỜI KỲ SAU VỆ ĐÀ

Sau thời kỳ Vệ Đà, sự phổ biến về thần chú có vẻ tương đối yếu đi, trong Bà La Môn giáo và các tôn giáo khác của Ấn Độ, nhất là vào thời điểm khởi đầu của kỷ nguyên Kitô giáo. Tuy nhiên, trong Brahmanas và Upanisads xưa, giá trị biểu tượng của một số âm tiết vẫn được xem như là chức năng vũ trụ của họ và được mô tả như là những phần hiện hữu trong cơ thể con người.

Theo họ Om là bản chất của tất cả các kinh Veda hay là một ngôn từ mà sự ra đời của thế giới được diễn đạt trong nó: “**Âm thanh Om này là tất cả vũ trụ này, âm tiết này là thực tại tối cao. Khi chúng ta đã hiểu tất cả mọi thứ chúng tôi muốn, chúng tôi đều có nó**”. (Áo Nghĩa Thư).

Theo những chuyện cổ tích huyền thoại và Mật tông của Ấn giáo, vào khoảng thế kỷ thứ tư, các thần chú được bắt đầu, phổ biến một cách thịnh hành qua các hình thức nghi lễ khác nhau. Từ đó, hầu như, tất cả các nghi lễ trong các tôn giáo Ấn Độ, đều dùng các câu thần chú kèm theo trong các nghi thức tụng niệm, thờ phượng, các vị thần linh, Thượng đế, Đấng toàn năng, Bậc giác ngộ của họ trong đời sống hàng ngày.

CÁC ĐỊNH NGHĨA NHÌN TỪ KHÍA CẠNH TRIẾT HỌC

OM là ý nghĩa căn đề của chữ Brahman, là âm thanh rung động sâu sắc có sức thâm nhập đồng nhất, mà vũ trụ lực của chính nó là tâm thức nằm trong bản thể của tất cả vạn vật.

Chữ OM đã trở thành một trong các biểu tượng quan trọng của phái Du già: Khi nó thoát ly thuật thần bí và ma lực của các thực hành hiến tế, hay thoát khỏi các lối suy luận triết lý của tư tưởng trước đây, thì nó biến thành một phương tiện thiết yếu trong sự thực hành thiền định. Một

phương thức tâm lý để cứu trợ. Trong Maitrâyana Upanisad, OM được so sánh như một mũi tên mà đầu nhọn là tư tưởng và nó xuất phát từ cái cung là thân thể con người, nó xuyên qua bóng đêm vô minh để đạt đến ánh sáng của trạng thái cùng cực.

Trong Mândukya-Upanisad, chữ OM được phân tích theo những yếu tố phát thanh, thì chữ O được xem như là một âm thanh kết hợp của hai nguyên âm liên tiếp của chữ A và U. Âm A + Âm U trở thành một nhị trùng âm là O và M là một phụ âm để kết thúc và nó sẽ trở thành Om.

OM là tâm thức thanh tịnh (turiya), bởi vì nó bao gồm tất cả và vượt qua mọi biểu thức qua sự phân tách của : A . U . M trong 3 trạng thái như sau :

A được hiểu như là trạng thái thức tỉnh (jagrata).

U được hiểu như là trạng thái mơ màng (svapna).

M được hiểu như là trạng thái ngủ say (susupti) .

Theo định nghĩa này thì danh hiệu của đức Phật A Di Đà chính là sự thức tỉnh. Khi

hành giả niệm “Nam mô A Di Đà Phật” thì trong âm thanh này đã bao gồm từ nguyên của AUM, nên danh hiệu này cũng là âm thanh xuyên qua bản thể vũ trụ, cả không gian lẫn thời gian.

Thức, ngủ và mơ là ba trạng thái hoạt động bình thường của bộ não.

Thức tỉnh là sự chỉ về tâm thức chủ quan đối với thế giới bên ngoài. Trong khi thức, các giác quan bên trong và ngoài cùng hoạt động với sự tác ý của thức.

Mơ màng là sự chỉ về tâm thức của thế giới nội tại, tức là tư tưởng, tình cảm, các điều ước nguyện, ưa thích, gọi chung là ý thức tri giác.

Trong giấc ngủ, chỉ có các giác quan bên trong hoạt động một cách tự do, bằng tâm thức và chính nó đã tạo ra một thế giới mới, qua những cái ta đã từng trải, đã cảm xúc, được ghi vào trong bộ não trong lúc thức. Do trong lúc ngủ, vỏ não không đủ tỉnh táo để đoán định, cho nên những sự thật trong giấc chiêm bao thường chấp vá lộn xộn, đôi khi còn vô

nghĩa.

OM TRONG ÁN ĐỘ GIÁO

A là sự khởi đầu, sinh, và người tạo ra thần Brahma.

U đại diện cho sự tiếp tục của cuộc sống, và thần Vishnu.

M là kết thúc, cái chết, và thần Shiva.

Những ý nghĩa khác của chữ AUM trong Phật học: OM có nghĩa là Quy mệnh | OM tượng trưng cho thân các vị Phật trong các câu thần chú | OM đóng cánh cửa luân hồi | OM thanh tịnh hóa bản thân | OM là lời cầu nguyện hướng về thân thể của các vị Phật | OM là Trí tuệ thanh thân, an bình. | Om cũng là thân , khẩu , ý.

AUM: Bắt đầu phát âm chữ A từ cuống cổ, tiếp đó uốn lưỡi đọc chữ U và chấm dứt âm chữ M bằng cách khép môi lại.

Chữ AUM có 100 nghĩa khác nhau và là một từ tối cao và từ tạo được mọi điều. Nếu bạn đang hành thiền trong im lặng sâu sắc, bạn có thể nghe những âm thanh trong AUM.

Đó là những âm thanh nguyên thủy của vũ trụ.

Cổ mộ



*Cổ mộ trong đêm
Xiêm áo ngàn xưa ẩn hiện
Vẳng giọng cô đầu
Ngọt ngào xen tiếng phách gieo*

*Trăng hạ tuần rơi
Rêu phong lối đá cheo leo
Dấu sương khói cũ
Mịt mù theo chân hài đỏ*

*Ôi bóng giai nhân
Lắt lay hoàng kim mấy độ
Đàn sáo chưa nguôi
Trần gian đã lỡ phôi phai*

*Cổ mộ trong đêm
Lung linh thành quách lâu đài
Chút thiên thu đọng
Khúc Nam Ai sâu u oán.*

Nguyễn Nhân

Không Thể Nghĩ Bàn

Đại sư Đàm Loan

Hành giả nghi rằng: Nhớ niệm Phật A Di Đà, không chắc được vãng sanh về An Lạc.

Vì sao? Trong kinh nói: “Đạo lý của nghiệp như quả cân bên nào nặng sẽ kéo nghiêng về bên đó”.

Vì sao có người trọn đời, hoặc trăm năm, hoặc 10 năm, hoặc một tháng không có ác nào không tạo, chỉ nhờ có 10 niệm liên tục, liền được vãng sanh, liền vào chánh định tụ, cứu kính không thoái chuyển, cùng các khổ của ba đường ác cách xa vĩnh viễn?

Nếu như thế cái nghĩa phía nặng kéo về làm sao có thể tin. Lại nữa, từ vô lượng kiếp đến nay, tạo đủ các pháp hữu lậu, bị ràng buộc vào ba cõi, vì sao không cắt đứt kiết hoặc của ba cõi, chỉ trong thời gian rất ngắn niệm Phật A Di Đà liền được ra khỏi ba cõi.

Như thế nghĩa bị nghiệp trói buộc làm sao giải thích được? Đối trị với điều nghi này nên Phật dạy: **Trí không thể nghĩ bàn.**

Trí không thể nghĩ bàn là năng lực của Phật trí. Năng lực này có thể lấy ít làm nhiều, lấy nhiều làm ít, lấy gần làm xa, lấy xa làm gần, lấy nhẹ làm nặng lấy nặng làm nhẹ, lấy dài làm ngắn lấy ngắn làm dài. Phật trí như thế vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn. Ví như, có trăm người, suốt trăm năm đốn củi, chứa đống cao ngàn trượng, chỉ cần cho một môi lửa, nửa ngày là cháy sạch. Đâu có thể nói rằng đống củi trăm năm mà đốt nửa ngày không cháy hết.

Lại như có người què được lên thuyền gặp gió thuận buồm căng, một ngày vượt xa ngàn dặm, đâu có thể nói người què một ngày không đến nơi cách xa ngàn dặm ư! Lại như có một người nghèo hèn, nhặt được vật quý của nhà vua, nhà vua mừng tìm được lại vật cũ, liền thêm trọng thưởng, người ấy chỉ trong khoảnh khắc giàu sang đầy dẫy. Đâu có thể nói người muốn được vua ban phải mười năm đèn sách khó nhọc còn không đạt được, huống hồ người kia chỉ có chút việc mà có được giàu sang như thế.

Lại có người yếu đuối, gắng sức leo lên con lừa còn không nổi, được lên xe chuyển luân Thánh vương, liền bay trên hư không, bay lượn tự nhiên. Đâu có thể nói người yếu đuối sức leo lên con lừa còn không nổi kia không thể bay được trên hư không ư! Lại như có một sợi dây thừng trói mười dưng sĩ, không làm sao dùng sức thoát khỏi, chỉ cần một đứa trẻ con dùng thanh gươm bén chém một nhát là dây đứt làm hai đoạn.

Đâu thể nói sức chú nhỏ không thể cắt được sợi dây thừng kia sao? Tất cả muôn pháp đều có tự lực và tha lực, tự nhiếp và tha nhiếp. Nghìn mở muôn đống vô lượng vô biên, đâu có thể đem chỗ hiểu biết có trở ngại của mình mà nghi pháp vô ngại của người kia.

Lại nữa, trong năm thứ không thể nghĩ bàn, Phật pháp là pháp không thể nghĩ bàn hạng nhất. Chúng ta không thể cho làm ác trăm năm là nặng, lại nghi mười niệm niệm Phật là nhẹ không được vãng sanh về thế giới An Lạc, vào chánh định tự việc ấy hoàn toàn không đúng!

Hạnh Phúc Nơi Đây

Nơi này trời đã bắt đầu vào Xuân từ mấy tuần trước, vậy mà sáng nay thức dậy nhìn ra ngoài, thấy tuyết phủ trắng sân nhà. Vào những ngày tháng giao mùa thì trời đất không đoán biết được. Thành phố tôi ở có bốn mùa rõ rệt, và mùa xuân có hoa nở thật đẹp.

Một buổi sáng trên con đường đến sở làm, chợt thấy những hoa vàng, đỏ, tím xuất hiện đầy trên những cành cây, bụi cỏ bên đường, mà dường như hôm trước chỉ là những cành cây khô trụi lá.

Triết gia Ralph Waldo Emerson có viết rằng “The Earth laughs in flowers”, mặt đất cười bằng những đóa hoa. Mùa xuân, vũ trụ chung quanh tôi đang nở trăm ngàn những nụ cười đầy màu sắc. Mỗi đóa hoa là một nụ cười tươi, là một hạnh phúc nhỏ trên con đường chúng ta đi.

CHĂM SÓC QUẢ TRÁI HẠNH PHÚC.

Trong cuộc sống, chúng ta thường được nhắc nhở là mình nên chăm sóc và nuôi dưỡng những hạt giống hạnh phúc trong ta. Nhưng bạn biết không, thật ra tôi nghĩ việc chăm sóc những *quả trái* hạnh phúc của mình cũng rất là quan trọng. Quả trái hạnh phúc là những gì bình thường, an vui đang có mặt trong ta và chung quanh ta trong giờ phút này. Chúng cũng cần sự chăm sóc của mình. Vì khi ta chăm sóc cho những *quả trái ấy trong hôm nay*, là ta cũng đang nuôi dưỡng và tưới tẩm những *hạt giống hạnh phúc trong tương lai* rồi, phải không bạn? Trong đời sống hằng ngày, tôi tập nuôi dưỡng chúng bằng cách tiếp xúc với những niềm vui trong tôi và chung quanh tôi, những hạnh phúc nhỏ như là một đóa hoa, một chiếc lá-thu, một tách cà phê, sự có mặt của một người thân... những điều bình thường mà dầu đang ở nơi nào ta cũng vẫn có. Lẽ dĩ nhiên, ta cũng cần một sự thực tập.

Tôi nhớ trong khoa học vật lý có một định luật nói rằng

“There are always more ways to impair a working system than to improve it.” *Bao giờ cũng có nhiều cách để phá hỏng một hệ thống hoạt động, hơn là để cải thiện nó.* Tôi nghĩ định luật đó áp dụng rất đúng cho các hiện tượng vật lý mà cũng rất đúng trong đời sống của chúng ta nữa. Một tình thân, một công việc... gây dựng lên thì rất công phu và qua nhiều thời gian, nhưng mà khi nó sụp đổ xuống thì rất là nhanh. Nhiều khi chỉ bằng một câu nói vô tình, một hành động nhỏ, một sự hiểu lầm mà thôi. Hãy giữ gìn những tình thân, những người thương và hiểu mình, những niềm vui bình thường mình đang có... Quả trái hạnh phúc nào cũng cần phải có sự nuôi dưỡng của ta.

SỨC MẠNH CỦA TRẺ CON

Trong cuộc đời này, hận thù và tàn phá bao giờ cũng dễ làm hơn là tha thứ và xây dựng. Có lần, Phật bị một kẻ cướp tên là Angulimala cầm gươm đuổi theo định hại ngài. Angulimala rất tự hào và cho rằng mình là một kẻ có rất nhiều quyền năng, vì đã có biết

bao nhiêu người đã chết dưới lưỡi gươm của anh. Đức Phật nói với Angulimala, “*Trước khi anh giết ta, ta có vài điều muốn yêu cầu, anh hãy chặt đứt cành cây này cho ta đi.*” Angulimala đưa nhát gươm mình lên, và cành cây kia bị cắt đứt lìa. Anh hỏi Phật: “*Bây giờ ông muốn gì nữa?*”. Phật nói tiếp, “*Bây giờ anh hãy gắn liền cành cây này lại trên cành như trước đi.*” Angulimala cười to và nói rằng, “*Ông có điên rồ không mà nghĩ rằng bất cứ ai lại có thể làm được chuyện đó!*”. Phật nói: “*Ngược lại, chính anh mới là kẻ điên rồ, khi nghĩ rằng mình có sức mạnh là vì mình có thể đi sát hại và tàn phá. Đó là công việc của trẻ con. Người có dũng lực, có sức mạnh là những ai có thể đi xây dựng và chữa lành những vết thương trên cuộc đời này.*”

Lưỡi gươm ấy cũng có thể là một lời nói của ta, và trong thời đại của kỷ nguyên tin học ngày nay thì chúng ta có biết bao nhiêu phương tiện khác để gây dựng, chữa lành hoặc tàn phá...

HẠNH PHÚC LÀ MỘT NGHỆ THUẬT.

Tu học là một nghệ thuật (*art*) chứ không phải là một kỹ thuật (*technique*). Bạn biết không, nếu như có ai hỏi ta, “*Tại sao ta lại muốn có hạnh phúc?*” Ta sẽ trả lời sao đây? Một hạnh phúc chân thật thì tự nó là cứu cánh, là đầy đủ hết rồi, nó đâu cần có một cái gì khác để nương tựa. Ta đâu dùng hạnh phúc để đạt đến một cái gì khác nữa đâu! Nhưng nếu ai hỏi: “*Tại sao ta lại cần những vật chất này, hay là vì sao ta lại muốn có những thành đạt kia?*”, thì ta dễ dàng có câu trả lời. “*Vì tôi muốn sống thoải mái hơn, tôi muốn được an vui, tôi muốn có an ninh, tôi muốn có hạnh phúc...*” Tôi cần những điều đó là vì tôi nghĩ chúng sẽ mang đến cho tôi hạnh phúc.

Và bây giờ ta hãy thử nhìn lại những gì mình đang có, hoặc đang gây dựng, và ý thức rằng mục tiêu của chúng là để mang lại cho ta hạnh phúc. Và rồi ta hãy thành thật tự trả lời cho chính mình: chúng có thật sự mang lại cho ta một hạnh phúc nào không? Tôi

muốn nói một hạnh phúc chân thật. Mục đích của chiếc bè là để mang ta sang bờ bên kia, còn ngoài ra nó không còn có một công dụng nào khác. Và nếu như bên này mình chưa thể nhìn thấy được những đóa hoa đẹp, những nụ cười tươi, thì sang bên kia ta cũng sẽ phải thực tập mà thôi, bạn có nghĩ vậy không?

Có một vị giáo thọ cư sĩ Tây Phương kể lại nhiều năm trước ông có sang Thái Lan và vào xin xuất gia tại một tu viện trong rừng. Ông được giao cho phận sự quét lá trên con đường dài nhỏ dẫn vào thiền đường. Vì tu viện nằm ở giữa rừng nên lá đổ quanh năm. Ông kể, vừa quét được nửa đường, khi nhìn lại quăng đường vừa quét xong, lá đã rơi xuống phủ đầy. Nhưng mỗi ngày, ông vẫn cứ tiếp tục làm công việc của mình, vì ông ý thức được rằng, công việc của ta làm tự nó là đầy đủ rồi. Ông biết rằng đó là một sự thực tập: có ngay hạnh phúc trong những việc mình làm.

NGÃ GIỮA NGÀN HOA
THU

Sáng nay bước ra ngoài

được thấy những đóa hoa đang nở, mỗi nụ cười là một hạnh phúc. Thở vào không khí mát lạnh mang lại cho tôi một sự tinh táo, hơi thở là một hạnh phúc. Dầu cuộc đời có bận rộn và nhiều khê đến đâu, hãy nhớ dừng lại để thở, để nhìn nụ cười trong những đóa hoa, mây bay trong tách cà phê thơm, để được ngồi yên...

Cuộc sống bao giờ cũng sẽ tiếp tục có những mệt mỏi và bận rộn, cuộc đời sẽ không bao giờ dừng lại cho ta nghỉ ngơi đâu bạn. Ngày mai này cũng sẽ vậy thôi. Hãy chăm sóc những hạnh phúc đang có mặt vì chúng cũng đang nuôi dưỡng và chăm sóc cho chính ta. Và cũng là nơi cho mình nương tựa. Nếu có một lần vấp ngã, chung quanh ta cũng sẽ vẫn còn nhiều hạnh phúc nhỏ để nâng đỡ mình:

Đi, đi mãi

Dầu có ngã trên đường

Cánh đồng hoa thu

(Basho)

Mai đây có ngã trên đàng,

*Cho tôi xin ngã giữa ngàn hoa
thu !*

Thần Shiva và triết lý Nhất Thể



Trong kho tàng nghệ thuật điêu khắc Champa, tượng thần Shiva chiếm số lượng và vị trí vượt trội. Sự vượt trội này thể hiện ngay cả trên bi ký.

Trong 128 bi ký được tìm thấy dọc dải đất miền Trung Việt Nam, có 92 minh văn đề cập hay tôn vinh Shiva và hóa thân của Ngài, 5 minh văn về Brahma, 3 về Vishnu, 7 về Phật và 21 chưa được xác định (theo P. Mus). Như vậy, trong Tam linh vị (Trimurti) là Brahma – Thần Sáng tạo, Vishnu – Thần Bảo dưỡng và Shiva -Thần Hủy diệt, Shiva quả là vị thần đầy

TƯỢNG THẦN SHIVA uy thế trong lịch sử tôn giáo – tín ngưỡng Chăm.

Từ những bức tượng đầu tiên xuất hiện vào thế kỷ thứ VIII, qua những bước thăng trầm của lịch sử, dù hình tượng các vị thần khác có mờ phai hay mất đi trong tâm thức Chăm, nhưng Shiva vẫn luôn có mặt qua những nhân vật lịch sử được thần hóa, qua hàng trăm ngẫu tượng sinh thực khí (linga) đơn giản nhưng mãnh liệt và đầy sức sống.

GIAO THOA CHĂM - AN

Nhìn qua bảng lược đồ, chúng ta thấy người Ấn Độ và người Chăm đã ưu ái đặc biệt đối với Shiva, qua sự hóa hiện thiên hình vạn trạng của Ngài trong cuộc sống của họ. Đặc biệt người Chăm đã đồng hóa hai vị vua vĩ đại nhất của họ với thần Shiva, để tôn vinh và thờ phụng. Nhưng tại sao một vị thần biểu trưng cho cái chết và sự hủy diệt lại được trân trọng như thế?

Theo ngũ nguyên, Shiva có nghĩa là thiện, là tốt lành. Người Chăm xem cái chết là một mặt của sự sống. Sống – chết không chỉ luân chuyển nhau tồn tại mà cùng song hành giữa dòng đời. Và phá hủy lại là tiên đề của sáng tạo. Phá hủy thúc đẩy sáng tạo và phá hủy để sáng tạo.

Trong vũ điệu Tândava biểu thị sự vận hành bất tuyệt của vũ trụ, Shiva hiện thân là Đấng toàn năng (Isvara) gieo rắc chiến tranh, bão tố và phá hủy, đồng thời mang tới cho trần gian may mắn, hạnh phúc và hoan lạc.

Bộ sinh thực khí, tượng

trung cho thần Shiva trong nghệ thuật Chăm, thường có 3 phần: phần dưới hình vuông, tượng trưng cho thần Brahma; phần giữa hình bát giác, tượng trưng cho thần Vishnu; phần trên hình tròn, tượng trưng cho thần Shiva. Như vậy, tự thân Shiva vừa là mình, vừa là bao hàm cái khác; vừa là ta, vừa cưu mang cái – không – ta. Do đó, trong ý nghĩa của sáng tạo, Shiva được coi là Đấng toàn năng lưỡng tính (ardha – nâri – Isvara) hay một hữu thể trung tính tự phân thân thành âm – dương. Âm dương giao hòa thì vũ trụ được tạo dựng, muôn vật hóa sinh.

GIAO THOA TRUNG - AN

Đây chính là điểm tương đồng thú vị giữa hai nền triết học lớn Ấn Độ và Trung Hoa. Kinh Dịch, điểm khởi đầu của triết học Trung Hoa đã lấy hai quẻ Thái và Bi là hai quẻ tượng trưng cho sự hưng thịnh và suy vong của vũ trụ. Cả hai quẻ đều có cấu trúc 3 hào âm và 3 hào dương chồng lên nhau, chỉ khác vị trí, 3 hào âm nằm trên ở quẻ Thái, 3 hào âm nằm

dưới ở quẻ Bi. Vậy, trong Thái có Bi và trong Bi có Thái. Một pháp có thể là Thái ở góc nhìn này nhưng lại là Bi ở góc nhìn khác. Cũng như Thần Shiva với ý nghĩa hủy diệt, nhưng cũng mang cả ý nghĩa sáng tạo (Brahma) và nuôi dưỡng (Vishnu).

Người Ấn Độ thờ thần Shiva là thờ phụng triết lý Vô Ngã, thờ phụng tánh Không, thờ phụng tính Nhất Thể của các pháp.

Người Trung Hoa thờ quẻ Thái, quẻ Bi cũng không ngoài ý nghĩa đó.

GIAO THOA ĐÔNG - TÂY

Như Thần Thời gian (Kâla), Shiva hủy diệt tất cả và không ngưng nghỉ – một sự hủy diệt gây phản tỉnh nơi tâm thức con người. Đó là sự hủy diệt cần thiết (“Có những sự phá hoại cần thiết” – A. Rimbaud), mang ý nghĩa sáng tạo chân chính, hơn cả Brahma hầu như chỉ mang lại cho con người ý thức khái quát về sự phồn thực và dị biệt của thế giới. Và kẻ sáng tạo chân chính bao giờ cũng là người bảo dưỡng tuyệt vời. Đó là cử chỉ của Shiva khi đưa hai bàn tay hứng lấy nọc độc của

Rắn thân Vâsuki rồi nuốt đi, giải thoát cho thế gian khỏi thảm họa diệt vong. Đó cũng là hành động Shiva chịu xõa tóc cho dòng sông Hằng chảy xuôi được êm ả, nhẹ nhàng, tránh cho mặt đất chuyển rung và sụp đổ.

Đánh nhịp cùng tư tưởng Shiva, con lạc đà của F. Nietzsche, sau khi chịu chất lên lưng bao gánh nặng của thế gian, đi băng qua hàng vạn dặm sa mạc con người, đã biến thành sư tử cuồng nộ gầm thét. Để rồi tại nơi đây, cuộc hóa thân thứ ba đã xảy ra: sư tử biến thành trẻ thơ, vô tư và thanh thoát, thư thái đi vào chợ, rong chơi giữa những miền cuộc đời. Trẻ thơ biến cuộc đời thành cuộc chơi, thế giới là sân chơi, chơi chính trò chơi mà mình vừa tạo lập, một trò chơi mà M. Heidegger gọi là “trò chơi thế mệnh”!

Nguồn: *Inrasara.com*

Bông hồng cài áo

Ý niệm về mẹ thường không thể tách rời ý niệm về tình thương. Mà tình thương là một chất liệu ngọt ngào, êm dịu và cố nhiên là ngon lành. Con trẻ thiếu tình thương thì không lớn lên được. Người lớn thiếu tình thương thì cũng không “lớn” lên được. Cằn cỗi, héo mòn.

Ngày mẹ tôi mất, tôi viết trong nhật ký: Tai nạn lớn nhất đã xảy ra cho tôi rồi! Lớn đến mấy mà mất mẹ thì cũng như không lớn, cũng cảm thấy bơ vơ, lạc lõng, cũng không hơn gì trẻ mồ côi. Những bài hát, bài thơ ca tụng tình mẹ bài nào cũng dễ, cũng hay. Người viết dù không có tài ba, cũng có rung cảm chân thành; người hát ca, trừ là kẻ không có mẹ ngay từ thuở chưa có ý niệm, ai cũng cảm động khi nghe nói đến tình mẹ.

Những bài hát ca ngợi tình mẹ đâu cũng có, thời nào cũng có. Bài thơ mất mẹ mà tôi thích nhất, từ hồi nhỏ, là một bài thơ rất giản dị. Mẹ đang còn sống, nhưng mỗi khi đọc bài thơ ấy thì sợ sệt, lo âu.... sợ sệt lo âu một cái gì còn xa, chưa đến, nhưng chưa chắc chắn phải đến.

Năm xưa tôi còn nhỏ
Mẹ tôi đã qua đời!
Lần đầu tiên tôi hiểu
Thân phận trẻ mồ côi.
Quanh tôi ai cũng khóc
Im lặng tôi sầu thối
Đề dòng nước mắt chảy
Là bớt khổ đi rồi...
Hoàng hôn phủ trên mộ
Chuông chùa nhẹ rơi rơi
Tôi thấy tôi mất mẹ
Mất cả một bầu trời.

Một bầu trời thương yêu dịu ngọt, lâu quá mình đã bơi lội trong đó, sung sướng mà không hay, để hôm nay bừng tỉnh thì thấy đã mất rồi. Người nhà quê Việt Nam không ưa cách nói cao kỳ. Nói rằng bà mẹ già là kho tàng của yêu thương, của hạnh phúc thì cũng đã là cao kỳ rồi. Nói mẹ già là một thứ chuối, một thứ xôi, một thứ đường ngọt dịu, người dân quê đã diễn tả được tình mẹ một cách vừa giản dị vừa đúng mức:
*Mẹ già như chuối ba hương
Như xôi nếp một, như đường mía lau.*

Ngon biết bao! Những lúc miệng vừa đắng vừa nhạt sau một cơn sốt, những lúc như thế

thì không có món ăn gì có thể gọi được khẩu vị của ta. Chỉ khi nào mẹ đến, kéo chăn đắp lên ngực cho ta, đặt bàn tay (Bàn tay? hay là tơ trời đâu la miên?) trên trán nóng ta và than thở “khổ chưa, con tôi”, ta mới cảm thấy đầy đủ, ấm áp, thấm nhuần chất ngọt của tình mẹ, ngọt thơm như chuối ba hương, dịu như xôi nếp một, và đậm đà lịm cả cổ họng như đường mía lau. Tình mẹ thì trường cửu, bất tuyệt; như chuối ba hương, đường mía lau, xôi nếp một ấy không bao giờ cùng tận.
*Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*

Nước trong nguồn chảy ra thì bất tuyệt. Tình mẹ là gốc của mọi tình cảm yêu thương. Mẹ là giáo sư dạy về yêu thương, một phân khoa quan trọng nhất trong trường đại học cuộc đời. Không có mẹ, tôi sẽ không biết thương yêu. Nhờ mẹ mà tôi được biết tình nhân loại, tình chúng sinh; nhờ mẹ mà tôi biết được thế nào là tình nhân loại, tình chúng sinh; nhờ mẹ mà tôi có được chút ý niệm về đức từ bi. Vì mẹ là gốc của tình

thương, nên ý niệm mẹ lán trùm ý thương yêu của tôn giáo vốn dạy về tình thương.

Đạo Phật có đức Quan Thế Âm, tôn sùng dưới hình thức mẹ. Em bé vừa mở miệng khóc thì mẹ đã chạy tới bên nôi. Mẹ hiện ra như một thiên thần dịu hiền làm tiêu tan khổ đau lo âu. Đạo Chúa có đức Mẹ, thánh nữ đồng trinh Maria. Trong tín ngưỡng bình dân Việt có thánh mẫu Liễu Hạnh, cũng dưới hình thức mẹ. Bởi vì chỉ cần nghe đến danh từ Mẹ, ta đã thấy lòng tràn ngập yêu thương rồi. Mà từ yêu thương tín ngưỡng và hành động thì không xa chi mấy bước.

Tây phương không có ngày Vu Lan nhưng cũng có Ngày Mẹ Mother's Day, mồng mười tháng năm. Tôi nhà quê không biết cái tục ấy. Có một ngày tôi đi với thầy Thiên Ân tới nhà sách ở khu Ginza ở Đông Kinh, nửa đường gặp mấy người sinh viên Nhật, bạn của thầy Thiên Ân. Có một cô sinh viên hỏi nhỏ Thầy Thiên Ân một câu, rồi lấy ở trong sách ra một bông hoa cẩm chướng màu trắng cài vào khuy áo tràng của tôi. Tôi

lạ lùng, bỡ ngỡ, không biết cô làm gì, nhưng không dám hỏi, cố giữ vẻ tự nhiên, nghĩ rằng có một tục lệ chi đó. Sau khi họ nói chuyện xong, chúng tôi vào nhà sách, thầy Thiên Ân mới giảng cho tôi biết đó là Ngày Mẹ, theo tục Tây phương. Nếu anh còn mẹ, anh sẽ được cài một bông hoa màu hồng trên áo, và anh sẽ tự hào được còn mẹ. Còn nếu anh mất mẹ, anh sẽ được cài trên áo một bông hoa trắng.

Tôi nhìn lại bông hoa trắng trên áo mà bỗng thấy tủi thân. Tôi cũng mồ côi như bất cứ một đứa trẻ vô phúc khổ nạn nào; chúng tôi không có được cái tự hào được cài trên áo một bông hoa màu hồng. Người được hoa trắng sẽ thấy xót xa, nhớ thương không quên mẹ, dù người đã khuất. Người được hoa hồng sẽ thấy sung sướng nhớ rằng mình còn mẹ, và sẽ cố gắng để làm vui lòng mẹ, kéo một mai người khuất núi có khóc than cũng không còn kịp nữa. Tôi thấy cái tục cài hoa đó đẹp và nghĩ rằng mình có thể bắt chước áp dụng trong ngày báo hiếu Vu Lan.

Mẹ là một dòng suối, một

kho tàng vô tận, vậy mà lắm lúc ta không biết, để lãng phí một cách oan uổng. Mẹ là một món quà lớn nhất mà cuộc đời tặng cho ta, những kẻ đã và đang có mẹ. Đừng có đợi đến khi mẹ chết rồi mới nói: “Trời ơi, tôi sống bên mẹ suốt mấy mươi năm trời mà chưa có lúc nào nhìn kỹ được mặt mẹ!”. Lúc nào cũng chỉ nhìn thoáng qua. Trao đổi vài câu ngắn ngủi. Xin tiền ăn quà. Đòi hỏi mọi chuyện. Ôm mẹ mà ngủ cho ấm. Giận dỗi. Hờn lẫy. Gây bao nhiêu chuyện rắc rối cho mẹ phải lo lắng, ôm mồn, thức khuya dậy sớm vì con. Chết sớm cũng vì con. Để mẹ phải suốt đời bấp bực, vá may, giặt rửa, dọn dẹp. Và để mình bận rộn suốt đời lên xuống ra vào lợi danh. Mẹ không có thì giờ nhìn kỹ con. Và con không có thì giờ nhìn kỹ mẹ. Để khi mẹ mất mình có cảm nghĩ: “Thật như là mình chưa bao giờ có ý thức rằng mình có mẹ!”.

Chiều nay khi đi học về, hoặc khi đi làm việc ở sở về, em hãy vào phòng mẹ với một nụ cười thật trầm lặng và thật bền. Em sẽ ngồi xuống bên mẹ. Sẽ bắt mẹ đừng kim chỉ, mà đừng nói

năng chỉ. Rồi em sẽ nhìn mẹ thật lâu, thật kỹ để trông thấy mẹ và để biết rằng mẹ đang còn sống và đang ngồi bên em. Cầm tay mẹ, em sẽ hỏi một câu ngắn làm mẹ chú ý. Em hỏi: “Mẹ ơi, mẹ có biết không?”. Mẹ sẽ hơi ngạc nhiên và sẽ hỏi em, vừa hỏi vừa cười “Biết gì?”. Vẫn nhìn vào mắt mẹ, vẫn giữ nụ cười trầm lặng và bền, em sẽ nói: “Mẹ có biết là con thương mẹ không?”. Câu hỏi sẽ không cần được trả lời. Cho dù người lớn ba bốn mươi tuổi người cũng có thể hỏi một câu như thế, bởi vì người là con của mẹ. Mẹ và em sẽ sung sướng, sẽ sống trong tình thương bất diệt. Mẹ và em sẽ đều trở thành bất diệt và ngày mai, mẹ mất, em sẽ không hối hận, đau lòng.

Ngày Vu Lan ta nghe giảng và đọc sách nói về ngài Mục Kiền Liên và về sự hiếu đễ. Công cha, nghĩa mẹ. Bốn phận làm con. Ta lạy Phật cầu cho mẹ sống lâu. Hoặc lạy mười phương Tăng chú nguyện cho mẹ được tiêu điều nơi cực lạc, nếu mẹ đã mất. Con mà không có hiếu là con bỏ đi. Nhưng hiếu thì cũng do tình thương mà

có; không có tình thương hiểu chỉ là giả tạo, khô khan, vụng về, cố gắng mệt nhọc. Mà có tình thương là có đủ rồi. Cần chi nói đến bổn phận. Thương mẹ, như vậy là đủ. Mà thương mẹ không phải là một bổn phận.

Thương mẹ là một cái gì rất tự nhiên. Như khát thì uống nước. Con thì phải có mẹ, phải thương mẹ. Chứ phải đây không phải là luân lý, là bổn phận. Phải đây là lý đương nhiên. Con thì đương nhiên thương mẹ, cũng như khát thì đương nhiên tìm nước uống. Mẹ thương con, nên con thương mẹ. Con cần mẹ, mẹ cần con. Nếu mẹ không cần con, con không cần mẹ, thì đó không phải là mẹ là con. Đó là lạm dụng danh từ mẹ con. Ngày xưa thầy giáo hỏi rằng: “Con mà thương mẹ thì phải làm thế nào?” Tôi trả lời: “Vâng lời, cố gắng, giúp đỡ, phụng dưỡng lúc mẹ về già và thờ phụng khi mẹ khuất núi”. Bây giờ thì tôi biết rằng: Con thương mẹ thì không phải “làm thế nào” gì hết. Cứ thương mẹ, thế là đủ lắm rồi, đủ hết rồi, cần chi phải hỏi “ làm thế nào “ nữa!

Thương mẹ không phải là một vấn đề luân lý đạo đức. Anh mà nghĩ rằng tôi viết bài này để khuyên anh về luân lý đạo đức là anh lầm. Thương mẹ là một vấn đề hưởng thụ. Mẹ như suối ngọt, như đường mía lau, như xôi nếp một. Anh không hưởng thụ thì uống cho anh. Chị không hưởng thụ thì thiệt hại cho chị. Tôi chỉ cảnh cáo cho anh chị biết mà thôi. Để mai này anh chị đừng có than thở rằng: Đời ta không còn gì cả. Một món quà như mẹ mà còn không vừa ý thì họa chẳng có làm Ngọc hoàng Thượng đế mới vừa ý, mới bằng lòng, mới sung sướng. Nhưng tôi biết Ngọc hoàng không sung sướng đâu, bởi Ngọc hoàng là đấng tự sinh, không bao giờ có điểm phúc có được một bà mẹ.

Tôi kể chuyện này, anh đừng nói tôi khờ dại. Đáng nhẽ chị tôi không đi lấy chồng, và tôi, tôi không nên đi tu mới phải. Chúng tôi bỏ mẹ mà đi, người thì theo cuộc đời mới bên cạnh người con trai thương yêu, người thì đi theo lý tưởng đạo đức mình say mê và tôn thờ. Ngày chị tôi đi lấy chồng, mẹ tôi lo lắng lăng xăng,

không tỏ vẻ buồn bã chi.

Nhưng đến khi chúng tôi ăn cơm trong phòng, ăn qua loa để đợi giờ rước dâu, thì mẹ tôi không nuốt được miếng nào. Mẹ nói: “Mười tám năm trời nó ngồi ăn cơm với mình, bây giờ nó ăn bữa cuối cùng rồi thì nó sẽ đi ăn ở một nhà khác”. Chị tôi gục đầu xuống mâm khóc. Chị nói: “Thôi con không lấy chồng nữa”. Nhưng rút cuộc thì chị cũng đi lấy chồng. Còn tôi thì bỏ mẹ mà đi tu. “Cắt ái từ sở thân” là lời khen ngợi người có chí xuất gia. Tôi không tự hào chi về lời khen đó cả. Tôi thương mẹ, nhưng tôi có lý tưởng, vì vậy phải xa mẹ. Thiệt thòi cho tôi, có thể thôi. Ở trên đời, có nhiều khi ta phải chọn lựa. Mà không có sự chọn lựa nào mà không khổ đau. Anh không thể bắt cá hai tay. Chỉ khổ là vì muốn làm người nên anh phải khổ đau. Tôi không hối hận vì bỏ mẹ đi tu nhưng tôi tiếc và thương cho tôi vô phúc thiệt thòi nên không được hưởng thụ tất cả kho tàng quý báu đó. Mỗi buổi chiều lay Phật, tôi cầu nguyện cho mẹ. Nhưng tôi không được ăn chuối ba hương, xôi nếp một và

đường mía lau.

Anh cũng đừng tưởng tôi khuyên anh: “Không nên đuổi theo sự nghiệp mà chỉ nên ở nhà với mẹ!”. Tôi đã nói là tôi không khuyên răn gì hết-tôi không giảng luân lý đạo đức-rồi mà! Tôi chỉ nhắc anh: “Mẹ là chuối, là xôi, là đường, là mật, là ngọt ngào, là tình thương”. Để chị đừng quên, để em đừng quên. Quên là một lỗi lớn: Cũng không phải là lỗi nữa, mà là một sự thiệt thòi. Mà tôi không muốn anh chị thiệt thòi, khờ dại mà bị thiệt thòi. Tôi xin cài vào túi áo anh một bông hoa hồng: để anh sung sướng, thể thôi.

Nếu có khuyên, thì tôi sẽ khuyên anh, như thế này. Chiều nay, khi đi học hoặc đi làm về, anh hãy vào phòng mẹ với một nụ cười thật trầm lặng và bền. Anh sẽ ngồi xuống bên mẹ. Sẽ bắt mẹ đừng kim chỉ, mà đừng nói năng chi. Rồi anh sẽ nhìn mẹ thật lâu, thật kỹ, để trông thấy mẹ và để biết rằng mẹ đang sống và đang ngồi bên anh. Cầm tay mẹ, anh sẽ hỏi một câu ngắn làm mẹ chú ý. Anh hỏi: “Mẹ ơi, mẹ có biết không?” Mẹ sẽ hơi ngạc nhiên và

Nghệ sĩ Bạch Tuyết

với bốn bài thơ Thiên



Nhân Vu Lan 2013, NS. Bạch Tuyết đã gửi riêng cho Hương Thiên bốn bài thơ mà chị đã cảm tác trong giai đoạn tu học tại các "Chiếu" trong Thiên phái Trúc Lâm.

Trân trọng giới thiệu cùng quý độc giả.

Trúc Lâm

*Thiên đường hoa giác nữ
Viện nội ngắm trăng trôi
Trúc biếc đầu non thờ
Lâm Tuyền ngọt nét môi.*

Thường Chiếu

*Nhật nguyệt vẫn đi về
Quang lâm cùng khắp chốn
Thường vẫn thường bốn môn
Chiếu lai chiếu càn khôn.*

Linh Chiếu

*Những thiên thân áo trắng
Dưới mái ấm thiên đường
Linh ngã ơn muôn trượng
Chiếu rạng khắp mười phương.*

Viên Chiếu

*Những Phật tử thuần thành
Lập lại hạnh lục độ
Viên mãn tâm Bồ đề
Chiếu rạng ánh toàn chân.*

NS. Bạch Tuyết

***Khánh tuế Bà ngoại Sáu
đại thọ 90 tuổi***

09/05/Quý Ty (2013)

Chín mươi chặm gốc Bồ Đề

Ngon xanh cành là xum xuê toại lòng.

Chúng cháu Linh Bửu tự Quận 8

Kính lễ chúc thọ

***Khánh tuế đức Tôn sư
thượng Huệ hạ Giác***

02/06/Quý Ty (2013)

Đạo hạnh sáng ngời uy đức Tổ

Tôn sư chiếu Huệ Giác chơn tâm.

Chúng đệ tử Linh Bửu tự Quận 8

Kính lễ chúc thọ

Vu Lan hoa hồng trắng

Tùy bút Phan Cát Tường

Mùa Vu Lan năm nay, tôi đã trở thành một đứa trẻ mồ côi! Dù ở tuổi 53, nhưng tôi vẫn cảm nhận rõ ràng tâm trạng của một người con mất mẹ. Mẹ tôi đã đi xa thực sự rồi. Ngày mẹ mất, tôi không kịp khóc. Nhưng thỉnh thoảng tôi nuốt ngược vào bên trong những giọt lệ của một người con thơ khi bên mình bóng mẹ đã khuất sau dãy núi lam chiều.

Tôi nhớ cái bóng của mẹ. Ngày đầu tiên đi học, dù trường rất gần nhà nhưng sau khi nắm tay tôi đến tận cửa lớp, mẹ vẫn hỏi: “Học xong con tự về nhà được không?”. Tôi gật đầu: “Dạ được, mẹ!”.

Thế mà khi tan trường về khi vừa ra khỏi cổng trường tôi đã thấy cái bóng của mẹ đứng trên chiếc cầu cao lêu nghêu phía cuối con đường. Hôm ấy mây đen vần vũ, gió thổi mạnh từng hồi. Sau lưng mẹ là một vầng mây đen nghịt. Bóng mẹ hòa lẫn vào mây, vào gió. Mẹ hiện ra như một thiên thần làm lòng tôi ấm lại dù cơn mưa bắt đầu nặng hạt.

Không phải chỉ ngày đi học đầu tiên, mà trong suốt cuộc đời tôi, lúc nào mẹ cũng hiện ra đúng lúc, đúng chỗ để cho tôi bám vào bàn tay nóng hổi của người mà đứng lên vươn vai cùng cuộc sống.

Mẹ hiểu tôi hơn cả tôi, hơn cả mọi người.

Mẹ chịu đựng tôi hơn cả tôi, hơn cả mọi người. Mẹ thương tôi hơn cả tôi, hơn cả mọi người...

Những đôi quang gánh ngày xưa mẹ mẹ gánh tôi một đầu, đầu kia là trái bí, lộn rau bây giờ đã trở thành kỷ niệm thiêng liêng. Những chuyến xe ngựa chở hai mẹ con chạy bon bon trên con đường làng đá đỏ bụi mù giờ là nỗi nhớ mênh mông.

Thời chiến tranh, những lần chạy loạn dưới mưa bom, lửa đạn tôi luôn luôn nghe được tiếng chân mẹ phía sau lưng mình. Tiếng chân mẹ nhẹ như gió thoảng mây bay nhưng đủ sức mạnh để dìu tôi qua vùng lửa đạn hiểm nguy.

Hôm nay, tôi xa mẹ đúng 49 ngày rồi. Theo quan niệm Phật giáo thì ngày mai mẹ mới thực sự về cõi vĩnh hằng. Tôi vẫn cảm nhận 49 ngày vừa qua mẹ vẫn còn lẩn quẩn trong nhà, bên con bên cháu. Đêm về tôi vẫn còn nghe hơi thở trầm trầm của mẹ. Nửa khuya thỉnh thoảng tôi vẫn cảm nhận được tiếng bước chân người nhẹ nhàng đâu đây.

Mẹ ơi, con chỉ mong mẹ được thác sanh về cõi trợn lành. Tâm thân mẹ đã quá mỏi mòn vì hy sinh cho chồng con, quá đau khổ ở trần gian vì tật bệnh dài ngày nên xin ơn trên đừng để mẹ phải đau khổ thêm ở một cõi chúng sanh nào nữa, dù chỉ một phút giây ngắn ngủi.

Con tin tưởng rằng mẹ đã sống ở cõi Ta Bà bằng chất liệu tình thương thì khi xả bỏ báo thân này mẹ cũng sẽ được an nghỉ ở một nơi mà tình thương là chất liệu chính để nuôi dưỡng và mang lại hạnh phúc cho mọi người..

Con chó biến thành bà Hoàng

Thời Phật pháp thịnh hành ở trung Ấn Độ, trong một tòa thành nọ, có một vị đệ tử tại gia của đức Phật phát tâm cúng dường một vị tỳ kheo, đi tìm hỏi khắp nơi mới tìm được một vị tỳ kheo đã chứng quả A La Hán, bèn thỉnh vị này mỗi ngày đến nhà mình để nhận cúng dường.

Trong nhà vị cư sĩ nói trên có nuôi một con chó, khi vị tỳ kheo dùng cơm, thì con chó ngồi xổm bên cạnh bàn. Vị tỳ kheo thuận tay nắm một viên cơm cho con chó ăn. Con chó được ăn, nên có rất nhiều thiện cảm với vị tỳ kheo.

Vị tỳ kheo mỗi ngày đến ăn cơm, thì con chó cũng mỗi ngày được ngài cho ăn. Con chó nhớ tưởng đến vị tỳ kheo, vị tỳ kheo cũng biết được tâm niệm của con chó nên cứ tới giờ là cho nó một nắm cơm. Do đó con chó càng có thêm thiện cảm đối với vị tỳ kheo.

Cứ thế trong suốt một năm trời, con chó

tới số chết, đầu thai trong hoàng cung của vua nước An Tức làm công chúa. Sinh ra, cô đã biết kiếp trước của mình, lúc còn làm chó trong nhà một vị cư sĩ và ngày ngày chia cơm với vị tỳ kheo, sự việc ra sao cô đều nhớ rõ ràng. Một hôm, vua nước Nguyệt Đê phái Sử Tiết đến nước An Tức. Vua nước An Tức thấy Sử Tiết là người hiền lại có tài, và còn rất thông minh nên bèn gả công chúa cho Sử Tiết, bảo đưa công chúa về nước Nguyệt Đê.

Công chúa theo chồng về nước Nguyệt Đê, mỗi lần gặp một vị tỳ kheo xuất gia là trong lòng cô rất vui mừng. Cô hồi tưởng lại lúc trước đội lột con chó, vì được một vị tỳ kheo cho ăn cơm, có thiện cảm đối với ngài, kiếp này mới có được thân người. Để tỏ lòng tri ân báo ân, cô nghĩ tốt nhất là nên lập đàn trai thật lớn để cúng dường tăng chúng.

Phật pháp tại nước Nguyệt Đê rất hưng thịnh, tỳ kheo xuất gia rất đông. Mỗi ngày công chúa đem thức ăn đến cúng dường cho từ 400 đến 500 vị, tất cả đều một tay cô lo liệu, tuyệt đối không mượn tay khác nào làm. Lo việc cúng dường hoàn tất rồi, cũng chính tay cô lo việc chùi rửa dọn dẹp. Người hầu, nô tỳ trong nhà đều một lòng tán thán cô, và phong cho cô tước hiệu “vương thí”:

- Công chúa tới chỗ này mà còn mỗi ngày tự tay lau chùi sạch sẽ thì chúng ta cũng nên gia công nỗ lực!

Sau đó, bọn nô tỳ lên đầu chỗi đi, nghĩ

rằng họ sẽ tự lo việc chùi rửa, không nên để công chúa làm những việc như thế nữa. Công chúa đòi lại chổi mãi không được, bèn lấy từ trong rương một chiếc áo mới mặc hôm trước, cuộn tròn lại làm cái chổi quét đất. Người chồng thấy công chúa lấy áo làm chổi quét đất, bèn nói:

- Tại sao nàng không dùng chổi lại dùng áo quét đất, như thế không uổng phí lắm sao?

Công chúa trả lời:

- Trong tiền kiếp thiếp không hề có lấy một vật gì có thể dùng để bố thí, chỉ có thiện tâm đối với một vị tỳ kheo thôi mà kiếp này được hưởng phúc báo, sinh ra làm công chúa. Thiếp chưa bao giờ phải lo mưu cầu sinh sống, tự nhiên có được áo, thì dùng nó làm chổi có gì đâu là uổng phí?

- Nàng tuy lễ kính Phật pháp, cúng dường tỳ kheo, nhưng ta chưa hề thấy mấy ông tỳ kheo cho nàng được một đồng một chữ nào, trong khi đó áo nàng mặc là do ta lao碌 kiếm tiền mà có.

Người chồng nói để khuyên bảo công chúa. Công chúa bèn giải thích cho chồng hiểu:

- Thiếp nghe một vị A La Hán nói, kiếp trước thiếp là một con chó, được nuôi trong nhà một vị đệ tử của đức Phật. Mỗi ngày có một vị tỳ kheo đến nhà người này dùng cơm, thiếp bèn ngồi ở dưới bàn đợi vị tỳ kheo nọ bốc một nắm cơm cho thiếp ăn. Thiếp rất có thiện cảm với tỳ kheo, do nhân duyên ấy mà kiếp này đầu thai vào trong nhà quốc vương. Thiếp xin hỏi chàng, tất cả những gì thiếp có hôm nay không phải là do

THẠCH TRUNG GIÁ

Hòn Chồng

Mưa lưu hốc đá
Đêm mọc tinh cầu
Hiện ra thế giới
Ai ngồi canh thâu?

Đêm mai trở lại,
Lần nữa qua cầu
Tịch không hốc đá
Một trời bay đâu?

vị tỳ kheo ấy ban cho thiếp hay sao?

Người chồng nghe xong, thấy vợ nói rất có lý, bèn nói:

- Nàng chi có mỗi một sự là đem thiện tâm đối xử với một vị tỳ kheo mà được phúc báo to lớn như vậy, Phật pháp quả là không thể nghĩ bàn!

Sự thật thì người chồng này hơi có chút bủn xỉn, nhưng khi được nghe công chúa kể cho nghe chuyện nhân quả phúc báo thì tâm liền biến chuyển, từ đó biết bố thí cho người nghèo, cúng dường chư tăng mà không sinh lòng tiếc rẻ, giúp cho Phật pháp được hoàng dương trong dân gian.

(Diệu Hạnh Giao Trinh dịch từ bản chữ Hoa Phật giáo cổ sự đại toàn)

Hành hương Thiếu Lâm Tự

Chúng tôi đến sân ga Trịnh Châu vào lúc 6h30 phút sáng. Trịnh Châu là thủ phủ của tỉnh Hà Nam. Nhiệt độ ở đây giống như Việt Nam, 17 độ C – 30 độ C. Sau khi ăn sáng và tạm nghỉ ngơi một chút, đoàn tham quan một vòng thành phố Trịnh Châu trước khi viếng chùa Thiếu Lâm. Thành phố Trịnh Châu khá sầm uất, xe cộ qua lại tấp nập. Đây là trung tâm văn hóa, kinh tế, chính trị của tỉnh Hà Nam, diện tích 74.462 cây số vuông, dân số khoảng 6 triệu người. Trịnh Châu được mệnh danh là “Lục Thành Trung Nguyên”, tức thành phố cây xanh của Trung Nguyên và là một thành phố cổ. Sạch và mát là nét tiêu biểu của Trịnh Châu, rất dễ gây thiện cảm ban đầu cho du khách.

TRỊNH CHÂU

Hơn 3.500 năm trước, thành phố này đã là cố đô của vương triều nhà Thương, sớm nổi tiếng về kỹ thuật luyện đồng xanh và gốm sứ. Thế kỷ XI trước công nguyên thuộc Tây Chu, Vua nhà Chu phong đất này cho người em tên Quản Thúc, gọi là Quản Quốc. Thời Xuân Thu, nơi đây là đất của Đại phu Tử Sản, thuộc Trịnh Quốc. Đến năm 583, Tùy Văn Đế đổi lại là Trịnh Châu và tên này được dùng luôn cho tới ngày nay. Lướt qua một vòng thành phố Trịnh Châu xong, xe hướng thẳng về chùa Thiếu Lâm thuộc Tung sơn. Đây là tổ đình của thiền tông Trung Hoa, là linh hồn của “giáo ngoại biệt truyền”, là đỉnh cao của Tổ sư thiền với Thiếu Lâm diệu quyết “chi thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật”. Và sau cùng là quê hương của Võ lâm Bắc đẩu.

TUNG SƠN

Song song với “Tứ đại danh sơn”, Trung Quốc còn có năm rặng núi thiêng khác được gọi là Ngũ Nhạc. Đó là Thái sơn ở phía đông thuộc tỉnh Sơn Đông, Hoa sơn ở phía tây thuộc tỉnh Sơn Tây, Hành sơn ở phía nam thuộc tỉnh Hồ Nam, Hằng sơn ở phía bắc thuộc tỉnh Sơn Tây và Tung sơn ở trung tâm thuộc tỉnh Hà Nam.

Trung Nhạc Tung sơn cách Lạc Dương khoảng 50km về phía đông nam, đỉnh cao nhất 1.440m. Chùa Thiếu Lâm nằm dưới chân ngọn Ngũ Nhũ, núi Thiếu Thất cách Bắc thành 15km thuộc huyện Đãng Phong tỉnh Hà Nam. Núi Thiếu Thất là ngọn phía tây của Tung sơn. Để tỏ lòng chí thành ngưỡng mộ Phật pháp và rất mực tôn quý bậc cao tăng của Thiên Trúc, vua Hiếu Văn Đế đã cho xẻ núi cắt chùa Thiếu Lâm cúng dường cho thiền sư Phật-đà, vị tăng người Thiên Trúc đến Trung Quốc vào năm 495 đời Bắc Ngụy.

TÔ ĐÌNH THIẾU LÂM

Lúc thiền sư Phật-đà còn tại thế, ở phía Tây của chùa có xây tháp xá-lợi, phía sau tháp có xây Phiên Kinh Đài. Không bao lâu có ngài Lạc-na-ma-đề đến chùa phiên dịch kinh luận. Niên hiệu Kiến Xương thứ 3 (527), Tổ Bồ-đề Đạt-ma đến chùa này ngồi xoay mặt vào vách chín năm, sau đó gặp và truyền pháp cho ngài Huệ Khả, sáng lập Thiền tông. Sử gọi ngài Đạt-ma là Sơ Tổ của Trung Thổ, Thiếu Lâm được gọi là Tô đình. Từ đó kẻ tăng người tục đến học đạo rất đông, thiền pháp thịnh hành. Về sau, đệ tử của ngài Phật-đà là ngài Tăng Trù trụ trì. Sau do pháp nạn hủy Phật của Võ Đế thời Bắc Chu khoảng năm 572-577 nên già-lam bị phá hủy. Vào thời vua Tĩnh Đế khoảng năm 579-580, chùa được phục hưng lại, đặt tên là chùa Trắc Hộ với 120 vị tăng tu học tại đây. Thời vua Văn Đế đời Tùy, vua ban sắc phục hồi tên cũ của

chùa (có thuyết nói vua Văn Đế đổi tên chùa là Trắc Hộ, đời Đường phục hồi tên chùa là Thiếu Lâm). Đến những năm 614-616, ngoài linh tháp, còn lại toàn bộ chùa đều bị sơn tặc phá hủy.

THIẾU LÂM QUYỀN THUẬT

Đầu đời Đường, tăng chúng chùa Thiếu Lâm có công giúp vua Đường Thái Tông khai quốc, từ đó nơi đây mở rộng thêm môn quyền thuật. Vì vậy thiền tông và võ thuật Thiếu Lâm rất nổi tiếng, được lưu truyền rộng rãi chẳng những ở Trung Quốc mà còn lan sang các quốc gia khác trên thế giới. Vua Cao Tông, Võ hậu Tắc Thiên đều rất sùng kính đạo Phật, nên ra lệnh chinh đốn tu sửa các già-lam. Về sau trải qua các cuộc chiến loạn thời Ngũ Đại cuối đời Đường, chùa dần dần suy vi.

Năm 1245 đời Nam Tống, ngài Tuyết Đình Phước Hữu vâng lệnh vua Thế Tổ đời Nguyên coi sóc chùa, xây dựng lại tự môn, đệ tử của Sư là ngài Linh Ân Văn Thái cùng các vị Cổ Nham Phổ Tụ, Tức Am Nghĩa Nhượng, Thuần Chuyết Văn Tài nối nhau trụ trì, đều làm hưng thịnh Thiền tông. Đến năm 1735 đời Thanh, chùa được trùng tu. Chùa Thiếu Lâm vào thời Ngũ Đại cuối đời Đường thuộc về tông Lâm Tế. Từ đời Kim, đời Nguyên về sau chùa trở thành đạo tràng của tông Tào Động cho đến nay. Năm 1929, bọn quân phiệt Phùng Ngọc Tường, Phàn Chung Tú xua quân cướp sạch, chùa gần như bị phá hủy toàn bộ. Năm 1932, các vị Lâm Sâm, Đới Truyền Hiền, Đỗ Nguyệt Sinh trùng tu lại. Diện tích bây

giờ trên 30.000mét vuông. Trong chùa hiện còn các kiến trúc: Sơn môn, nhà khách, đình Đạt-ma, điện Bạch Y, điện Địa Tạng, điện Thiên Phật. Điện Thiên Phật còn gọi là Tỳ-lô Các, bên trong có bích họa 500 vị La-hán lễ Phật Tỳ-lô-giá-na đời Minh, rộng khoảng hơn 300 mét vuông. Trong điện Bạch Y có quyền phả chùa Thiếu Lâm đời Thanh và bích họa 13 vị tăng cứu vua Đường. Am Sơ Tổ, am Nhị Tổ đều ở gần đó. Trong chùa còn bảo tồn nhiều thạch khắc, nổi tiếng có “Tần Vương Cáo Thiếu Lâm Tự Chủ Giáo Bi”, “Võ Hậu Thị Thư Bi”, “Linh Vận thiền sư Công Đức Tháp Minh”, “Tức Am thiền sư Bi”.

LINH HỒN THIẾU LÂM

Xem ra lịch sử già-lam cũng lắm nổi thặng trầm, cũng chung dòng biến đổi theo vạn pháp duyên sinh. Song mà tánh thể của nó vốn không tăng không giảm, không được không mất. Tánh Không vô cùng nên duyên khởi của các pháp cũng vô cùng. Linh hồn Thiếu Lâm Tự không nằm trên những mái ngói hết cũ lại mới, mà nằm trong tâm của thiên tăng. Tâm thiên tăng thì không bờ mé, tùy cơ ẩn hiện, tùy duyên lưu hóa, chớ có bao giờ mất đâu. Cho nên hôm nay Tăng Ni, Phật tử Việt Nam mới hữu duyên về thăm chốn Tổ, thăm lại chiếc nôi thiền tông thuở nào.

Chúng tôi không ngờ đường vào chùa Thiếu Lâm lại rộng lớn thênh thang như vậy, nói gì đến toàn khu vực! Thật là giang san một cõi! Người ta bảo xưa kia tổng diện tích của chùa lên đến 55 cây số vuông, do nhà vua ban cho.

Cả một tòa Tung sơn sừng sững xanh biếc, cũng sắc lạnh như mắt biếc Hồ Tăng! Núi ở đây thật ra không cao, nhưng uy thế rất mạnh. Mạnh và hùng. Cứng cỏi, uy nghi. Đón khách là tượng đá một đại sư đang trong thế thượng võ “Chào!”. Ai yếu bóng vía chắc sẽ hết hồn, riêng chúng tôi cũng cảm thấy sợ sợ, lo mà dọn dẹp thân tâm. Nếu không, lộn xộn sư cho một đạp xuống núi thì hết mong quay về Tổ vực đạo tràng. Đoàn đến chùa Thiếu Lâm không gặp tuyết như Nhị Tổ Huệ Khả mà gặp nắng. Nắng và gió. Nắng chan chát. Gió rát da. Thì ra chuyện nóng lạnh ở đâu cũng có. Xuống xe đi bộ một đôi, chúng tôi thấy hiện ra cổng tam quan bằng đá đồ sộ, trên khắc bốn chữ “Tung Sơn Thiếu Lâm”, dọc hai bên cột đá có đôi câu đối:

Nhất vi độ Trường giang tu trì cửu tài,

Lưỡng sơn tuế cổ tự tham bách thập phương.

Dịch:

*Một cảnh lau vượt Trường giang, chín năm
ngôi tu trì,*

*Hai đỉnh núi tòa cổ tự, mười phương đến
tham bách.*

Nét chữ mạnh như thế núi, chi tiết hoa văn mang phong cách rất Thiếu Lâm Tự, không giống bất kỳ ngôi chùa nào đoàn đã đi qua. Hai bên là hai dãy nhà dài rộng, mái ngói này liên tiếp mái ngói kia, uốn cong lợp lợp, kiến trúc hoành tráng, tuyệt mỹ. Tiếng võ sinh luyện tập vang dội, xem ra Thiếu Lâm ngày nay rất khí thế trong võ thuật.

CHÓN TỔ NGHÌN XƯA

Bất kể mặt trời đang đổ hào quang, cả đoàn vui vẻ đứng tại đây ghi hình lưu niệm và mừng đã tới chùa rồi. Nhưng không, chưa tới đâu cả. Đường vào chùa Thiếu Lâm vẫn còn thăm thẳm. Đoàn lại lên xe điện đặc biệt của khu vực, chạy một mạch thật sướng trên đường nhựa mênh mông, giữa một phong cảnh Thiếu Lâm chỉ có ở Trung Quốc. Thế nhưng, vẫn chưa xong, mặc dù xe đã đi dùm một đoạn đường khá xa, nhưng sau đó chúng tôi lại phải tiếp tục đi bộ một đôi nũa mới tới cổng sơn môn. “Thiếu Lâm Tự”, bút tích của vua Khang Hy trên cổng sơn môn, lặng lẽ an nhiên dưới một rừng thiên mát rượi.

Cái nắng hồi nãy làm như cũng biết ngán uy vũ thiên môn. Nó trốn đâu mất tiêu, còn lại là một không gian rợp bóng đại thọ trên 1.500 năm tuổi. Quả là một sự tương phản khó lường. Trong và ngoài sơn môn, đâu là ranh giới rõ ràng mà nóng bức và mát dịu thay đổi đến không ngờ! Chuyển một đường grom, xoay ngàn thế trận, không biết có dính dáng gì đến tâm và cảnh của thiên tăng chăng? Đây rồi chốn Tổ năm xưa. Nơi mà hơn 1.000 năm trước nguồn pháp an tâm từ Tây sang đã rót vào tâm tủy Nhị Tổ Huệ Khả và chảy mãi tới hôm nay. Vào điện Phật đánh lễ Thế Tôn xong, chúng tôi tìm đến đình Đạt-ma ngay.

Chính tại nơi này, ngài Huệ Khả đứng ngoài tuyết chặt tay dâng lên cầu Sơ Tổ truyền

pháp an tâm, nên còn gọi là đình Lập Tuyết. Thiền tông từ Trung Hoa truyền vào Việt Nam theo hai nhánh, Tổ Tỳ-ni-đa-lưu-chi và Tổ Vô Ngôn Thông. Cả hai nhánh này đều bắt nguồn từ đây. Cho nên chùa Thiếu Lâm với Sơ Tổ Đạt-ma không chỉ là cội nguồn của thiền tông Trung Hoa mà còn là cội nguồn thiền tông của các nước được chư Tổ nơi này truyền sang như Cao Ly, Nhật Bản, Việt Nam... Vì vậy Tăng Ni tu thiền về đây cũng là về chốn Tổ thiền tông.

Thiền tông Việt Nam được chư Tổ Trung Hoa truyền sang, chư Tổ nước ta đã đón nhận, lãnh hội và ứng dụng hòa điệu với bản sắc của dân tộc Việt Nam. Không đánh hét như Lâm Tế, không ngũ vị quân thân như Tào Động, mà đơn giản, nhẹ nhàng, thi vị nhưng vẫn giữ cốt lõi là trực chỉ đúng theo bản môn của Tổ Bồ-đề Đạt-ma chỉ dạy.

Thử xem một đoạn thơ rất cũ nhưng lại luôn luôn mới của Sơ Tổ Trần Nhân Tông:

*Ở đời vui đạo hãy tùy duyên,
Đói đến thì ăn mệt ngủ liền,
Trong nhà có báu thôi tìm kiếm,
Đối cảnh không tâm, chớ hỏi thiền.*

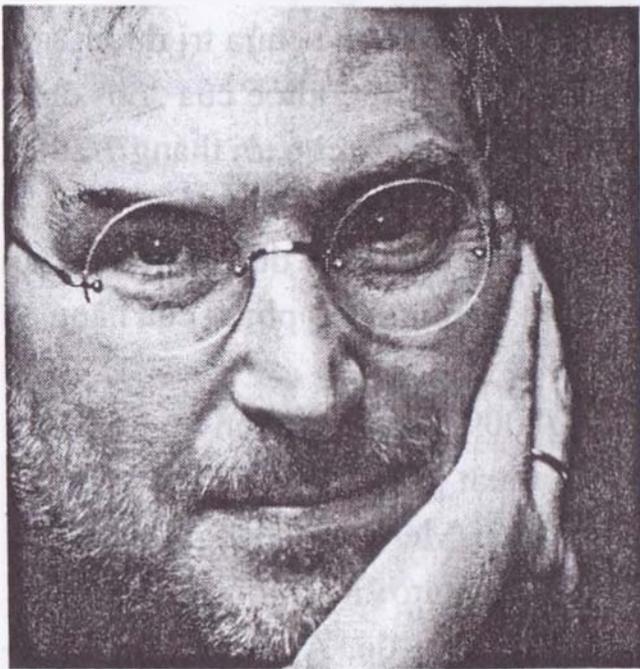
(Cư trần lạc đạo)

Đó chính là đặc điểm của thiền tông Việt Nam.

Thật xúc động trước tôn tượng Sơ Tổ, chư Tăng Ni đồng quỳ xuống, đánh lễ và tưởng niệm đến ân đức Tổ sư.

Thiền và Steve Paul Jobs

Steve Paul Jobs (1955 - 2011) là ông trùm kinh doanh và sáng chế người Mỹ. Ông là



đồng sáng lập viên, chủ tịch, và cựu tổng giám đốc điều hành của hãng Apple, là một trong những người có ảnh hưởng lớn nhất ở ngành công nghiệp vi tính. Trước đây ông từng là tổng giám đốc điều hành của xưởng phim hoạt hình Pixar; sau đó trở thành thành viên trong ban giám đốc của công ty Walt Disney năm 2006, sau khi Disney mua lại

Pixar. Ông được công nhận là điều hành sản xuất của bộ phim Toy Story (1995).

Steve Paul Jobs cũng là người đã từng tham dự nhiều khóa Thiền tại Ấn Độ, sau đó thực tập Thiền với đại sư người Nhật Kobun Chino Otogawa.

Ông cũng là người áp dụng thành công nhất triết lý Thiền trong kinh doanh.

CHIẾN ĐẤU VỚI BỆNH TẬT

Jobs phát hiện bị ung thư tuyến tụy vào năm 2003. Một năm sau, bệnh tật của ông mới được công bố khi ông phải làm phẫu thuật để cắt bỏ khối u. Ca phẫu thuật diễn ra thành công và Jobs không cần hóa trị hay xạ trị.

Năm 2005, trong một bài phát biểu ở trường Đại học Stanford, Jobs tiết lộ thông tin bác sĩ chẩn đoán ông sẽ không sống quá 6 tháng nữa. Tuy nhiên, các xét nghiệm sau đó lại cho thấy căn bệnh của ông có thể chữa trị được.

Mọi thông tin về sức khỏe của Jobs được giữ khá kín vài năm sau đó, cho tới tháng 7/2008, khi Jobs xuất hiện với vẻ gầy gò hốc hác trong lễ ra mắt chiếc iPhone 3G. Mặc dù Apple vẫn nói rằng Jobs chỉ ốm sơ nhưng cổ phiếu của hãng đã giảm mạnh 10%.

Tháng 1/2009, một số nguồn tin nói rằng, Jobs phải phẫu thuật ghép gan tại bệnh viện đại học Methodist tại Memphis, bang Tennessee. Có tới hơn 15.000 người Mỹ tình nguyện hiến tặng gan cho ông. Sau đó, Apple lại tuyên bố Jobs đã hồi phục tốt và sớm trở lại công việc điều hành hãng.

Ba tháng sau đó, Jobs trở lại trong buổi ra mắt mẫu iPod mới tại San Francisco và tiếp đó tới tháng 10, ông giới thiệu chiếc laptop MacBook Air.

Tới tháng 8/2011 vừa qua, Jobs bất ngờ xin từ chức Giám đốc điều hành Apple. Tuy

trong thư gửi đồng nghiệp, Jobs không nói rõ lý do vì sao ông từ chức, nhưng phần lớn ý kiến cho rằng sức khỏe của ông có vấn đề. Vài ngày sau đó, một bức ảnh ông trong thể trạng da bọc xương đã xuất hiện trên mạng Internet.

NHÂN DUYÊN VỚI NHÀ PHẬT

Năm 1973, Jobs cùng một người bạn là Daniel Kottke, lang thang khắp Ấn Độ để “tìm kiếm sự giác ngộ tâm linh”. Không may cho Jobs, vị minh sư bí ẩn mà ông muốn diện kiến vừa qua đời. Không tìm được sự giác ngộ tâm linh như mong muốn, ông trở về California trong trang phục của một nhà sư.

Trở về Mỹ, Jobs dành nhiều thời gian tìm hiểu về Thiền tại Trung tâm Thiền Los Altos ở California trước khi nghiên cứu sâu hơn về Thiền dưới sự hướng dẫn của Thiền sư Kobun Chino Otagawa, người về sau được Jobs mời làm “cố vấn tâm linh” cho công ty phần mềm NeXT.

Năm 1976, sau 3 năm tầm sư học đạo, Jobs cùng người bạn cũng bỏ học đại học như mình là Steve Wozniak thành lập Apple.

Kobun Chino, một nhà sư, đã làm chủ hôn lễ của ông với Laurene Powell, một thạc sĩ quản trị kinh doanh Đại học Stanford.

ỨNG DỤNG PHẬT GIÁO TRONG ĐIỀU HÀNH KINH DOANH

Mặc dù không phải là người thể hiện những giá trị tôn giáo, Steve Jobs cũng đã khai thác và ứng dụng những giá trị Phật giáo nhất định trong việc điều hành kinh doanh và phong

biến mọi thứ trở nên đơn giản. Nhưng cuối cùng, nó sẽ giúp người ta vượt mọi trở ngại.

Steve Jobs cũng có một câu nói nổi tiếng: “*Stay hungry, stay foolish*”, tạm dịch “*Hãy cứ đói khát và dại dột*”, bởi vì nhờ đó, bạn mới không ngừng vươn lên và mở rộng tâm trí với những điều mới mẻ.

THAY ĐỔI THẾ GIỚI

Đối với Steve Jobs, việc một sản phẩm có hình dáng, được cảm nhận và tương tác như thế nào quan trọng hơn yếu tố thuần công nghệ. Trong khi các hãng máy tính cá nhân quan tâm đến việc tăng tốc độ xử lý, ông theo đuổi việc tạo ra thiết kế thông minh và khác biệt.

Những chiếc điện thoại di động không nút bấm, máy tính không bàn phím như iPhone, iPad đã tạo ra sự khác biệt, tiện lợi, mới mẻ và chính nó đã tạo ra xu hướng mới trong trải nghiệm về công nghệ, và Apple đã quá thành công trong những dòng sản phẩm này.

HƯƠNG THANH tổng hợp

Thiền duyệt vi thực

Các bài tập ý thức hơi thở thường có tác dụng *thiền duyệt*. Duyệt là niềm vui, sự an lạc. Thiền duyệt là niềm vui, sự an lạc do sự thiền tập đưa tới. Trong thiền môn có danh từ *thiền duyệt vi thực* có nghĩa là niềm vui của thiền tập được sử dụng như thức ăn để nuôi dưỡng hành giả. Nghi thức cúng nọ có câu “*nhược phạn thực thời, đương nguyện chúng sanh, thiền duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn*” (khi dùng cơm, nguyện cho mọi người biết lấy niềm vui của thiền tập làm thức ăn và niềm vui do chánh pháp đem lại được tròn đầy).

Dưới đây là chi tiết bài tập:

Thở vào, tâm tĩnh lặng

Thở ra, miệng mỉm cười

Thở vào, an trú trong hiện tại

Thở ra, giây phút đẹp tuyệt vời

Nhiều người bắt đầu thực tập thiền bằng bài tập này. Có nhiều người dù đã thực tập bài tập này trong nhiều năm vẫn còn tiếp tục thực tập, bởi vì nó tiếp tục đem tới nhiều lợi lạc cho hành giả.

Thở vào, ta chú ý tới hơi thở: hơi thở vào tới đâu ta cảm thấy tĩnh lặng tới đó, giống như khi ta uống nước mát; nước tới đâu thì ruột gan

ta mát tới đó. Trong thiền tập, hễ tâm tĩnh lặng thì thân cũng tĩnh lặng, bởi vì hơi thở có ý thức đem thân và tâm về một mối. Khi thở ra ta mỉm cười, để thư giãn tất cả các bắp thịt trên cơ mặt (có khoảng ba trăm bắp thịt trên mặt ta). Thần kinh ta cũng được thư giãn khi ta mỉm cười. Nụ cười vừa là kết quả của sự tĩnh lặng do hơi thở đem lại, mà cũng là nguyên nhân giúp ta trở nên thư thái và cảm thấy sự an lạc phát hiện rõ ràng thêm.

Hơi thở thứ hai đem ta về giây phút hiện tại, cắt đứt mọi ràng buộc với quá khứ và mọi lo lắng về tương lai, để ta có thể an trú trong giây phút hiện tại. Sự sống chỉ có mặt trong giây phút hiện tại, vì vậy ta phải trở về giây phút hiện tại để tiếp xúc với sự sống. Hơi thở này giúp ta trở về sự sống chân thật. Biết mình đang sống và biết mình có thể tiếp xúc với tất cả mọi màu nhiệm của sự sống trong ta và xung quanh ta. Đó là một phép lạ. Chỉ cần mở mắt hoặc lắng nghe là ta tiếp nhận được những màu nhiệm của sự sống. Vì vậy cho nên giây phút hiện tại có thể là giây phút đẹp nhất và tuyệt vời nhất, nếu ta biết thực tập hơi thở thứ nhất nhiều lần trước khi đi sang hơi thở thứ hai.

Bài này có thể thực tập bất cứ ở đâu: trong thiền đường, trên xe lửa, trong nhà bếp, ngoài bờ sông, trong công viên, trong các tư thế đi, đứng, nằm ngồi và ngay cả lúc đang việc.

(Thích Nhất Hạnh, *Sen Búp Tùng Cánh Hè*)

Đức Mẫu Trầu

HT. thượng Thiện hạ Phước

(1924- 1986)

HT. Thích Thiện Phước (đức Mẫu Trầu), thế danh Lê Minh Ý (trong kháng chiến chống Pháp cải danh là Lê Văn Mười), sinh năm 1924, tại Nhật Tảo, An Nhật Tân, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Cha là ông Lê Văn Đầu, mẹ là Nguyễn Thị Hoạt. Ngài có 9 anh chị em, và Ngài là người con trai út trong gia đình.

THỜI KỲ TU HỌC

Khoảng năm 1940-1943, Ngài phát tâm xuất gia ở vùng Văn Liên, Thất Sơn, miền Tây Nam bộ với pháp danh là Thiện Phước, húy Nhứt Ý. Vào năm 1945, Ngài tham gia hoạt động cách mạng. Đến năm 1955, Ngài lên núi Tượng tu học pháp môn niệm Phật với HT. Bửu Đức (chùa Bửu Quang, Châu Đốc). Sang năm 1956, vâng lời HT. Bửu Đức, Ngài trở về miền Đông hành đạo, đến Long Sơn Cổ Tự (huyện Tân Uyên, Sông Bé) cầu pháp với HT. Trí Châu thuộc dòng Lâm Tế Gia Phổ, và được truyền thừa dòng phái Lâm Tế Gia Phổ, đời thứ 41.

Năm 1957, về trụ trì Tổ Đình Linh Sơn (nay là xã Tân Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu). Năm 1961, Ngài thành lập cô nhi viện Phước Lộc Thọ, thu nhận đến 200 cô nhi, quả phụ và người già yếu. Đến năm 1962, Hòa thượng thành lập Phật học đường Tây Phương Bồng Đảo, hội tụ được khoảng 300 Tăng Ni. Nhưng vào năm 1965, khu vực đạo tràng Linh Sơn chiến tranh ác liệt nên Hòa thượng cho di tản tất cả Tăng Ni và cô nhi về một số chùa ở miền Đông Nam bộ. Trong những năm ở nơi đây Hòa thượng luôn xiển dương Tịnh Độ và nghiêm trì giới luật. Đến năm 1966, Ngài chỉ đạo Ni sư Trưởng tử TN. Huệ Giác xây dựng Quan Âm Tu Viện. Mãi đến năm 1974, Hòa thượng cùng tất cả môn đồ trong Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng trở về núi Dinh. Vào năm 1975, Ngài về chùa Long Phước Thọ (huyện Long Thành) khai phá rẫy, cải tạo nông điền.

Ngày 27/12/1978, Ngài được Trung ương Giáo hội Phật giáo Tịnh Độ Tông tấn phong làm Hòa thượng, đại biểu cho Trung ương Giáo hội tại miền Đông Nam bộ. Đến năm 1980, Hòa Thượng cho khởi công xây dựng chánh điện đạo tràng Linh Sơn Tự. Ngày 30 tháng 7 năm Bính Dần (1986), vì tuổi già sức yếu sau thời gian nhiệt tình phụng sự đạo pháp và dân tộc nên Ngài lâm bệnh và viên tịch tại Quan Âm Tu Viện, hưởng thọ 62 tuổi.

THỜI KỶ HÀNH ĐẠO

Năm 1956 HT. Thiện Phước đến Long

Sơn Cổ Tự (Tân Uyên-Bình Dương) cầu pháp với HT. Trí Châu. Nơi cầu pháp cũng chính là nơi hoằng pháp, tại đây Ngài bắt đầu thu nhận nhiều đệ tử xuất gia. Người đệ tử đầu tiên của Ngài là Ni sư Huệ Giác (hiện là trụ trì Quan Âm Tu Viện) được giáo hóa ở đó. Năm 1957, Ngài về trụ trì Tổ Đình Linh Sơn. Đây là ngôi chùa cổ kính có chiều dài lịch sử trên 200 năm, trải qua 9 đời trụ trì, Ngài là vị trụ trì thứ 10, và ở đây bắt đầu Ngài thành lập Khất sĩ của Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng (LTTĐNB).

Vào năm 1961, Hòa thượng thành lập cô nhi viện Phước Lộc Thọ, có đến 200 cô nhi, quả phụ. Năm 1962, thành lập Phật học đường Tây Phương Bông Đảo quy tụ khoảng 300 Tăng Ni. Từ năm 1962- 1965, Tổ Đình Linh Sơn cũng là cơ sở cách mạng của Liên Khu 5 Biệt động Thành. Do là cơ sở tham gia hoạt động cách mạng nên vào năm 1965 bị bỏ bom, càn quét các khu căn cứ Núi Dinh, trong đó Tổ Đình Linh Sơn bị tàn phá nặng nề. 30 Tăng Ni bị thương, 12 tu sĩ và cô nhi bị thiệt mạng. Trước tình hình này Ngài dẫn dắt Tăng Ni chúng xuống núi.

Đầu tiên là tản cư về chùa Phổ Hiền (Biên Hòa-Đồng Nai). Trong thời gian này Ngài xây dựng TX.Thắng Liên Hoa cho Tăng chúng về tu học, một số khác di tản về Nhất Nguyên Bửu Tự, Tịnh xá Thiện Chơn và chùa Phước Thiện An. Năm 1966, Hòa thượng cho Ni sư Huệ Giác xây dựng Quan Âm Tu Viện làm đạo tràng trang nghiêm cho Tăng chúng tu học và làm công tác

TTXH. Đến ngày 14/7/1974, tất cả Tăng Ni trong LTTĐNB trở về núi Dinh.

Năm 1975, Ngài về chùa Long Phước Thọ (Long Thành-Đồng Nai) sửa chữa và khai phá rẫy trồng ngũ cốc. Hòa Thượng luôn thực hiện tinh thần “**nhất nhựt bất tác Nhất nhựt bất thực**” của Tổ Bách Trượng. Tại các Tổ Đình Linh Sơn I, Linh Sơn II, Quan Âm Tu Viện, chùa Phước Lộc Thọ, Bửu Hoa Ni Viện, Nhất Nguyên Bửu Tự, Dī An Tự, Long Sơn cổ tự, tịnh xá Thắng Liên Hoa, Ngài đều cho thành lập các ban Nông Thiền và luôn khuyến khích Tăng chúng phát triển nông lâm nghiệp, tự túc kinh tế nhà chùa. Đến tháng 3 năm 1975, Ngài giao trách nhiệm trụ trì Tổ đình Linh Sơn cho ĐĐ.Thích Giác Hải.

Như vậy, trong quá trình hình thành Khất sĩ của LTTĐNB khoảng hơn 30 năm, HT.Thiện Phước đã giáo hóa rất nhiều Tăng Ni, Phật tử và xây dựng nhiều cơ sở đạo tràng ở miền Đông Nam bộ, tạo được uy tín lớn cho Phật giáo ở vùng này.

(xem ảnh bìa 4)

Phật tử trì đức hạnh

Nhãn nhãn kiến tâm minh
Đạo giả bất ly tâm
Đạo thành bất ly tánh
Đạo tồn chỉ tu thân
Đạo thành duy tâm nội
Đắc đạo tại minh tâm.

Lánh xa mùi tục lụy
Chớ mền kẻ tài danh
Đừng ham người cao quý
Lánh kẻ nhị tâm sanh
Xa người xảo quyết trí
Đừng gán người bội nghĩa
Chớ bạn kẻ phi ân.
Tránh người bất hiếu hạnh
Xa lánh kẻ oai hùng
Lánh xa người danh lợi
Ký chú để muôn đời
Phật tử chớ bội sự
Nhớ lời Thầy dạy mãi.

Giữ một lòng son sắt
Chớ mắc kẻ bạo tàn
Chớ lầm người ác ý
Chớ tin người tài trí
Chớ mền kẻ vong ân
Thiên thu Phật tử nhớ
Trí tài vô dụng, vạn sự bất thành.



Thuyền hoa Phật đản 2013

*Nghe về nghe về
Nghe về quận Tám
Nói đình nói đám
Phật giáo quyết làm
Lễ hội Thuyền hoa
Phật đản quận nhà
Tiếng đồn gần xa.
Đầu tiên tổ chức
Quý thầy hảo hức
Đồng tâm hiệp lực.*

*Thực hiện bốn thuyền
Diễu hành trình diễn
Trống chiêng khai triển
Cắc cắc tùng tùng
Tùng tùng cắc cắc*

Sư Rồng lúc lắc
Múa quay đã mắt
Đoàn Lân dẫn đầu
Tứ tướng theo hầu
Thiên Vương đứng châu
Hùng dũng mặt ngầu
Oai phong hộ tống.

Giữ nguyên truyền thống
Trên dưới một lòng
Thánh tượng đàn sinh
Hài nhi hiển linh
Tướng hào quang minh
Tay chỉ đất Trời
Tuyên nói bằng lời
Cứu khổ cho đời
Chính ta là Phật.

Hào quang nổi bật
Năm sắc chân thật
Chiếu tỏa sáng ngời
Bày đóa sen hồng
Vượt khỏi bùn nhơ.
Ngôi chùa nên thơ
Hạnh nguyện ra khơi
Kính tụng vạn lời
Cứu người vơi khổ.

Thuyền từ hoa trở
Lướt ngàn sóng vỗ
Kênh nước mênh mông

Sáng rực đường sông
Tàu hủ bễnh bồng
Xuôi dòng Bến Nghé
Nam nữ lớn bé
Chắp tay cánh xòe
Cầu Phật chờ che.

Hai bên bờ kè
Thuyền xuôi theo gió
Người người đều ngó
Xi xàm nhỏ to
Hương ứng ngợi khen
Phật giáo vùng ven
Tổ chức cờ đèn
Rực rỡ thuyền hoa
Thấy mà mới lạ
Tiếng lành đồn xa.

Nghe vè nghe vè
Nghe vè Phật đàn
Năm sau đáo hạn
Nao nức rộn ràng
Chào đón thuyền hoa
In dấu đậm đà
Bà con quận nhà
Nhớ quá thuyền hoa!

(Tuần lễ Phật đàn PL 2557)

Tưởng nhớ đức Phật Thầy Tây An nhân lễ húy kỵ 12/8 âl

Phật Thầy Tây An

(1807 - 1856)

Danh tăng Đoàn Minh Huyền là một trong những vị đạo sĩ đầu tiên đến vùng Thất Sơn – An Giang để tu hành, truyền dạy đức tin, tránh dữ làm lành cho dân chúng. Trong cơn đại dịch ở An Giang vào năm Kỷ Dậu 1849 người chết nhiều như rạ ngoài đồng, danh tăng Đoàn Minh Huyền đã xuất hiện cứu chữa cho dân khắp vùng. Về sau ông lập ra đạo Bửu Sơn Kỳ Hương do chính ông làm giáo chủ và được người dân tôn kính như một vị “Phật sống” gọi là Đức Phật Thầy Tây An.

Giai thoại “Phật sống” khổng chế đại dịch bằng... nước lã và khai sáng đạo Bửu Sơn Kỳ Hương

PHƯƠNG THUỐC NHIỆM MÀU

Theo một số tài liệu ghi chép lại, Phật Thầy Tây An Đoàn Minh Huyền sinh năm 1807, nhưng thườ nhỏ đi tu hành ở đâu thì không rõ. Chỉ biết rằng ông quê ở làng Tòng Sơn (tỉnh Sa Đéc cũ) nay thuộc huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Làng Tòng Sơn xưa kia được xem là một trong những nơi có cảnh trí cực đẹp. Bốn mặt làng có sông nước. Làng nằm giữa như một cánh bèo vênh tai phiêu bạt, có cá lội, cò bay thanh tú lắm. Nhưng Tòng Sơn cũng là cái vùng sông nước rất lạ.

Nơi đây giống như nơi hội tụ của những dòng nước chảy qua,

nước rất sâu và xoáy mạnh như “lòng chảo”. Có lẽ trước đây ở cái làng này cũng không ai để ý đến cái tên Đoàn Minh Huyền.

Vào năm Kỷ Dậu 1849, khi đó đại dịch hoành hành khắp nơi của tỉnh An Giang, trong đó có cả làng Tòng Sơn quê ông. Một ngày mưa gió cuồng phong ập tới khiến cây đa già nằm ngay đầu ngõ vào làng Tòng Sơn bị bật gốc nằm chắn ngang đường.

Bao nhiêu trai tráng lực lưỡng trong làng đều được tập hợp tới để kéo cây đa về một phía, giải phóng lối đi. Nhưng cho dù hàng chục người cố sức vẫn không dịch chuyển được cây đa cổ thụ. Bỗng có một người trung niên, dáng gầy gộc bước đến đám đông kêu mọi người lấy cho ông một sợi dây vàm để ông kéo giúp.

Cả đám đông cười khẩy vì nhìn thấy thân hình ốm yếu của ông. Nhưng ông quả quyết sẽ kéo được cây đa nên mọi người cũng muốn xem thử. Quả thật, chỉ một mình ông kéo sợi dây cột vào thân cây đa già đã kéo được thân cây đổ sập nằm gọn về một phía.

Mọi người chưa hết ngỡ

ngàng và chưa kịp hỏi cao danh thì ông đã đi mất dạng. Về sau người ta mới biết người đàn ông đó chính là Đoàn Minh Huyền.

Vừa dẹp được gốc đa, ông liền vội vã đi cứu người dân đang mắc cơn đại dịch. Dịch tả lây lan, truyền nhiễm khắp nơi. Đầu trên, xóm dưới, đâu đâu cũng có người chết vì dịch tả, chết đến nỗi không kịp chôn. Thiên hạ hoảng sợ, làng xã giết heo bò để “tống gió” nhưng vẫn không ăn thua.

Ngoài đường vắng người đi, ban đêm chó không dám sủa. Mà thi thoảng có vài tiếng chó sủa càng làm cho cả làng thêm lạnh xương sống, bởi người ta tưởng tượng là có âm binh về. Hễ nghe tiếng lộp cộp là nhiều người lạnh da gà vì biết trong xóm vừa có một nắp quan tài vừa được ... đập lại.

Trong hoàn cảnh khốn khó đó của dân chúng, thầy Đoàn Minh Huyền đã xuất hiện chặn đứng được cơn bệnh. Có điều lạ là ông trị bệnh bằng... nước lã. Chỉ cho người bệnh uống nước lã, giấy vàng, nói pháp và kêu dân niệm Phật mà bệnh được trừ.

Ở đâu có bệnh là có mặt thầy. Trước tiên là ở Tòng Sơn, sau đó là đến Bà Trư, Xẻo Môn và lan ra tận vùng Long Kiến thuộc huyện Đông Xuyên. Chỉ bằng chiếc xuồng gỗ đã mục nát, thầy Đoàn Minh Huyền đi ngược dòng Tiền Giang đến vùng Cả Xoài (nay thuộc huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang) cất một trại nhỏ để chữa bệnh.

Bất cứ nơi nào thầy đến dân chúng cũng kéo đến đông kín, đến nỗi chính quyền khi đó phát sợ phải tìm cách “cầm chân thầy”. Nhưng hành động này của chính quyền đã gây phẫn nộ trong người dân. Sau một thời gian, nhà chức trách thấy thầy không gây nguy hại gì đến họ nên trả tự do.

VỀ TÂY AN CỔ TỰ

Tuy vậy, để tiện việc kiểm soát và theo dõi, họ chỉ định cho thầy Đoàn Minh Huyền vào ở tại chùa Tây An ở Châu Đốc (nay là Tây An cổ tự - gần miếu bà chúa xứ Núi Sam – Châu Đốc – tỉnh An Giang).

Tại chùa, thầy Đoàn Minh Huyền đã cảm hóa được nhà sư già chủ trì chùa thời điểm đó.

Nhờ vậy, ngôi chùa này đã thu hút hàng vạn thập phương thiện tín đến cúng viếng, qui y. Vì tôn kính cốt cách giản dị của một đạo sĩ chân tu, người ta nhìn thầy Đoàn Minh Huyền như một vị hoạt Phật (Phật sống) và tôn xưng là Phật Thầy Tây An.

Tuy nhiên, Phật Thầy Tây An Đoàn Minh Huyền chỉ ở lại chùa Tây An một thời gian ngắn rồi vân du hóa độ chúng sinh. Và cũng chính trong thời gian này ông đến vùng Thất Sơn. Tại đây đã khai sáng đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, do chính ông làm giáo chủ, thâm nhận đệ tử, lập làng, mở trại làm ruộng và tu hành.

Được biết Bửu Sơn Kỳ Hương cũng có nguồn gốc từ đạo Phật nhưng lại chủ trương giản dị, không hình thức, tu hành là để trở về nguồn cội với bản lai thanh tịnh của Đức Phật. Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương cũng cất chùa nhưng không thờ cốt Phật, chỉ thờ một tấm vải màu đỏ, tượng trưng cho tinh thần trầm mặc vô vi của Đức Phật Thầy Tây An Đoàn Minh Huyền.

Chùa cũng không gõ mõ

tụng kinh, không đầu tròn áo vuông, để tóc bới và vẫn có thể lấy vợ sinh con. Người theo đạo Bửu Sơn Kỳ Hương có thể tu tại gia, cốt là làm lành, tránh dữ, rửa lòng trong sạch và hằng thực 4 ân lớn: Ân tổ tiên – cha mẹ, ân đất nước, ân tam bảo (Phật, Pháp, Tông) và ân đồng bào – nhân loại.

LẬP LÀNG, MỞ TRẠI RUỘNG

Những ngày đầu khi đến vùng Thất Sơn, Phật Thầy Tây An Đoàn Minh Huyền chọn một trong 7 ngọn núi đẹp trong vùng là Anh Vũ sơn (núi Két) dừng chân. Ngay trên đỉnh ngọn núi này, ông đã cho khai hoang, dỡ đá. Vì người dân vốn rất tôn kính sự chân tu của ngài nên khi dừng chân ở núi Két đã có hàng ngàn tín đồ khắp nơi xin được theo đạo qui y.

Phật Thầy Tây An triết lý tự tu tự độ, tu nhưng vẫn phải lao động sản xuất để có cái ăn và phòng khi hữu sự. Vì thế ngài đã hướng dẫn môn đồ khai hoang nhiều nơi để làm ruộng rẫy. Đức Phật Thầy Tây An đã gieo vào lòng người một niềm tin vô biên.

Qua huyền diệu của Đức

Phật thầy và khả năng tu tĩnh của con người, tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương không còn biết sợ một thế lực tà mị nào khác.

Chính vì vậy mà mặc dù trên đỉnh núi Két lúc bấy giờ còn rất hoang sơ với đầy rẫy ác thú, cọp beo và sơn lam chường khí nhưng Đức Phật Thầy Tây An vẫn tập hợp được tín đồ để lập 2 làng Xuân Sơn và Hưng Thới (nay là xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang).

Lúc mới về Thất Sơn, Đức Phật Thầy huy động nhân dân quanh vùng bày cách khai thác đá sỏi để làm đất bằng mà trồng khoai mì, cấy lúa, dùng nước suối mà tưới tiêu. Ông cho lập ra “3 trại” gọi là: trại ruộng, trại rẫy và trại cưa, để phục vụ canh nông và xây dựng làng mạc.

Tại đây ông lần lượt thu thập nhiều đệ tử, trong đó nổi tiếng có “thập nhị hiền thủ” là 12 vị đệ tử đầu tiên xin quy y với thầy. Công cuộc khai mở đất của đoàn môn đồ Bửu Sơn Kỳ Hương ở cả hai vùng Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên.

Sau khi lập nên các nông

trại khẩn đất hoang canh tác lúa nước, nhiều đoàn người được chỉ dụ của Đức Phật Thầy đi sang cánh Đồng Tháp Mười mở đất, truyền đạo. Ông Nguyễn Sơn Đào (Thới Sơn, Tịnh Biên, An Giang), người đang nắm giữ gần nửa ngọn núi Két, nơi Đức Phật Thầy từng lập ra 2 ngôi làng Xuân Sơn và Hưng Thới, cho biết:

“Đức Phật Thầy quan niệm “có làm thì mới có ăn”, mới có sức khỏe để phụng sự nhân dân, đất nước, làm người đương nhiên phải có đạo đức. Do vậy, ông dùng văn thơ để nói về cách sống của người có đạo đức. Sau này, người đời xem những lời thơ văn của Đức Phật Thầy Tây An như giáo lý và sấm truyền.

Nói đến đạo Bửu Sơn Kỳ Hương thì không thể tách rời Trại Ruộng. Bởi mục đích lập nên các Trại Ruộng của Đức Phật Thầy Tây An là muốn “di dân” đến các vùng đất mới, nơi chưa có dấu chân người để các môn đồ vừa lao động sản xuất và tu tâm dưỡng tánh.

Theo chỉ dụ của Đức Phật Thầy các đệ tử của người dẫn theo

các đoàn người chia ra các hướng. Trại Ruộng đầu tiên được lập tại 2 làng Hưng Thới và Xuân Sơn. Đoàn thứ 2 đến Láng Linh, một vùng bùn lầy, mùa lụt như biển cả, mùa hạn thì như bãi đất hoang.

Trại Ruộng tên Bửu Hương Các được cất lên để vừa ở tu, vừa chăm lo khai phá cánh đồng hoang (nay thuộc xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang). Trại Ruộng thứ 3 được dựng lên tại Trà Bồng, về miệt Cần Lố, vùng Đồng Tháp Mười, nay thuộc tỉnh Đồng Tháp.

Trại thứ 4 về miệt Cái Dầu (cũng thuộc huyện Châu Phú) sát hữu ngạn Hậu Giang, nơi có nhiều phù sa. Những người điều khiển nông trại Bửu Sơn Kỳ Hương là các vị đại đệ tử của Đức Phật Thầy như:

Trần Văn Thành (Quản cơ Trần Văn Thành), Đình Tây, Tăng Chủ... Họ là những người đạo đức gương mẫu, giỏi võ nghệ. Về sau các đệ tử của Đức Phật Thầy Tây An cũng là những nhân vật lưu danh muôn đời.

Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Tây An Cổ Tích Tự

Từ đầu thập niên 70 của thế kỷ XX, các bậc tiền hiền của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương -Phật Thầy Tây An từ Quảng Ngãi, Phú Yên, Lâm Đồng... cùng nhau vào vùng đất Suối Nghệ (Nghĩa Thành) tỉnh Phước Tuy – nay là tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu để sinh cơ lập nghiệp và xây dựng nên ngôi Tam bảo – Tây An Cổ Tích tự để đạo hữu có chỗ tu học, lễ bái trên nền đất khoảng gần 5000 m2 do chính quyền cũ cấp.

Tây An Cổ Tích Tự nằm trên đường 31 thuộc ấp Quảng Tây xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Buổi ban đầu còn lắm khó khăn, Chùa chỉ được xây dựng bằng cây gỗ mái lợp tôn. Vùng đất Nghĩa Thành ngày đó mới khai hoang lập ấp nên cây gỗ còn nhiều. Đạo hữu cùng nhau góp công góp sức cùng chí hướng tu học nên tinh thần xây dựng tam bảo thật là lớn lao. Những ngày đầu mới xây dựng, Chùa còn khá đơn sơ gồm một chánh điện thờ Phật, hai bên có Nhà Đông và Nhà Tây và một dãy nhà sau dùng

để cho gia đình cụ Đồng Đồ lúc đó Trường Ban trị sự ở và trụ trì chùa. Nhà Đông là nơi sinh hoạt đạo vào sáng ngày mùng một và ngày rằm mỗi tháng. Nhà Tây dành cho thanh niên sinh hoạt đạo vào buổi chiều ngày mùng một và ngày rằm mỗi tháng. Những năm kinh tế khó khăn, đời sống đa số đạo hữu cũng vất vả, chùa có phần xuống cấp khá nhiều.

Chánh điện không lớn lắm chừng khoảng 40 mét vuông, trên

cổ lâu, bốn mặt vuông vức, có hai cửa chính hai bên. Về cách thờ phụng tại chánh điện gồm có: chính giữa bàn thờ Tổ - Thầy; hai bên đông tây là bàn thờ Cửu huyền Thất tổ; bàn kinh và dưới là bàn Chủ thổ. Đối diện bàn thờ Tổ Thầy là bàn thờ đức Long thần Hộ pháp. Trên bàn thờ Tổ Thầy, chính giữa là Trần điều, bên trong Bản Sắc lệnh màu đà có ba dòng chính: Sắc lệnh Phật Tổ - Phật Thầy - Phật Mẹ. Hai bên cánh điện có hai câu đối lớn viết bằng chữ Hán: **Phật Tổ Ân Thâm Thâm Tựa Hải - Sư Mẫu Đức Trọng Trọng Như Sơn**. Trên mặt trước bốn cây cột chính trong chánh điện có bốn câu đối bắt đầu bởi bốn chữ **Bửu Sơn Kỳ Hương**. Mặt tiền chùa, trước hoa viên và cổng chùa, mỗi dãy cột có 4 câu đối (chúng tôi sẽ đề cập ở một dịp khác).

Về trang trí cổng Tam quan cũng như các ngôi chùa khác của đạo Phật. Tuy nhiên ngày đó đạo chưa có pháp nhân nên thường là đạo Phật Thầy Tây An; có người còn gọi là Đạo Năm Ông. Ngày đó Sư Hai (tức Đạo sư Đặng Văn Cứng - pháp danh Tịnh Chí Chơn

Thiện Lợi Hiền Đức, người khai mở mới đạo tại vùng đất này) cho phép ghi trên cổng Tam quan hai dòng: **Tây An Cổ Tích Tự** và **Tín đồ Phật Thầy Tây An** bằng chữ Hán.

Đến năm 1984, Chùa được trùng tu lại nhưng cũng chỉ nhỏ hẹp. Đến đầu những năm 1990, Nhà Đông và Nhà Tây có sửa lại và lợp bằng ngói nung, gọi cách khác đi là Đông Lang và Tây Lang. Phần nhà phía sau do cũ nát nên dọn dẹp cho gọn lại. Thời gian sau năm 1984 cho đến nay, Ban trị sự và đạo hữu thay nhau trực công phu công quả, bảo quản chùa chứ không ai trú ngụ trụ trì thường xuyên. Năm 1994, tượng Đức Quan Thế Âm được đặt vào hoa viên trước chùa cho đến bây giờ.

Năm 2007 Ban Tôn giáo Dân tộc tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp Giấy Chứng nhận hoạt động Tôn giáo cho đạo. Lúc này tên Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương được gọi chính thức. Năm 2010, cổng Tam quan và hàng phía trước được xây dựng lại to hơn cao hơn nhưng vẫn giữ lại những nét cũ trước

đây.

Hiện nay hoạt động của đạo được mới mở rộng nhiều nhưng chùa lại xuống cấp, đa phần bốn đạo đều mong muốn ngôi Tam bảo được xây lại cho khang trang tạo điều kiện thuận lợi để bà con đạo hữu có chỗ lễ bái, sinh hoạt đạo sự.

Tháng Giêng năm Nhâm Thìn 2012, Ban trị sự và đông đảo bốn đạo đã đi đến thống nhất việc xây dựng lại chùa. Tháng 11 năm 2012, Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã cấp phép xây dựng, với tổng dự toán khoản 8 tỷ đồng; riêng chánh điện là 3 tỷ. Với kinh phí xây dựng lớn như vậy mà ngân quỹ của Đạo lại chưa có. Ban trị sự ước mong quý đạo hữu xa gần; quý đạo tâm cùng chung sức, chung lòng đóng góp tinh thần và vật chất để ngôi Tam bảo – Tây An Cổ Tích Tự sớm được xây dựng giúp cho đạo hữu xa gần hoàn thành tâm nguyện.

Vô thường ...

*Đời người như chiếc lá
Nhú ra từ chồi non
Qua nắng mưa áp ủ
Vươn mình cùng thời gian*

*Rồi sớm mai thức dậy
Bỗng thấy mình nhò ra
Bùn ngùi mà hồi tưởng
Dòng đời càng trôi xa*

*Lá xanh rồi lá úa
Theo gió vào khoảng không
Bay giữa dòng xuôi ngược
Cõi vô thường mênh mông.....*

Nguyễn Văn Kỳ

CHUYÊN TRANG PHẬT GIÁO Q.8, TP.HCM

TIN VĂN

- Toàn thể Tăng Ni trụ trì các tự viện trên địa bàn Quận 8 đều tham gia lớp bồi dưỡng "An ninh-quốc phòng" dành riêng giới Phật giáo Quận 8 do UB.MTQ8 tổ chức.

- Bổ nhiệm tân trụ trì chùa Định Phước, P10, Q8 cho Sư cô Thích Nữ An Tu, nhân ngày lễ Đại tường cổ Ni trường Thích Nữ Tác Bản.

- Ban trị sự GHPGVN.Q8 dự lễ chung thất của cố Đại lão Hoà Thượng Thích Từ Nhơn, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng trị sự GHPGVN tại Việt Nam Quốc Tự, Q10 và cố Hòa Thượng Thích Từ Hiệp, thành viên Hội đồng chứng minh Trung ương Giáo hội, viện chủ chùa Long Bửu Q.4.

- Ban Trị sự GHPGVN.Q8 tổ chức ra mắt Ban Bảo trợ chùa Long Hoa P15.Q8 nhiệm kỳ 2013-2015.

- Ban Trị sự GHPGVN.Q8 dự lễ sơ kết 06 tháng đầu năm của BTS.

GHPGVN.TP.HCM năm 2013 tại Nhà Văn hóa chùa Phổ Quang, Tân Bình.

- BTS.GHPGVN.Q8 thành kính tưởng niệm lễ húy kỵ Tổ sư khai sơn chùa Từ Phước, Q8 và lễ húy nhật cố HT .thượng Thiện hạ Kỳ - nguyên Viện chủ chùa Bửu Quang.

AN CƯ KIẾT HẠ

Sáng ngày 12 tháng Tư năm Quý Tỵ (2013), khóa tu an cư kiết hạ Phật lịch 2557 do Ban Trị sự GHPGVN Quận 8 tổ chức đã khai mạc trọng thể tại chùa Thường Quang (2A bên Phú Định, P.16,Q.8) với 57 Tăng chúng và chùa Pháp Quang 103 Ni chúng.

An cư kiết hạ là truyền thống thiết yếu trong Phật giáo, có từ thời Đức Phật, người tu sĩ có bổn phận phải trang bị đầy đủ cho mình Giới đức, Tâm đức, Tuệ đức, uy nghi tế hạnh, xứng đáng là trưởng tử của Như Lai, thực hiện sứ mạng "Hoằng hoá độ sanh, tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự". Muốn vậy chư Tăng cần phải

nghiêm trì giới luật, vì giới luật là nền tảng để đạt được trí tuệ viên mãn. Do đó truyền thống an cư kiết hạ cũng là dịp tốt nhất để thực hành giới luật một cách miên mật, rốt ráo.

Thể hiện sự quan tâm và trân trọng hoạt động mùa an cư kiết hạ, sáng ngày 11/7/2013, Đại diện Quận ủy, UBND, UB.MTTQ Quận 8 do ông Trần Văn Thanh Ủy viên Ban Thường Vụ Quận Ủy làm Trưởng đoàn đã đến hai điểm an cư kiết hạ là chùa Thường Quang và chùa Pháp Quang

Tại đây, đoàn chúc mừng, thăm hỏi và tặng quà. Tiếp đón đoàn có sự hiện diện của Hoà thượng Thích Thiện Lương, Trưởng Ban Trị Sự và Thượng toạ Thích Thiện Tài, Phó ban thường trực Ban Trị sự GHPGVNQ8.

Tại mỗi nơi ông Trần Văn Thanh đã ân cần thăm hỏi công tác tổ chức học tập, điều kiện sinh hoạt của các tăng ni. Đồng thời mong muốn sau ba tháng hạ trở về, các tăng ni sẽ là những người con Phật lưu truyền chánh pháp, phụng sự tốt cho Giáo hội, là công dân tốt, góp phần xây dựng xã hội văn minh, giàu đẹp.

THÍCH NỮ HIỀN THÙ

Nguyễn Hải Thảo

Qua

Đi qua một nỗi buồn

Có thể gặp niềm vui

Như sau đêm tăm tối

Sẽ thấy ánh mặt trời

Đi qua một mối tình

Nhận ra được và mất

Đi qua một nỗi đau

Có thể gặp hạnh phúc

Đi qua cõi Ta Bà

Chợt nhận ra bề khổ

Đi qua màn vô minh

Biết đâu tâm giác ngộ!

Đi qua thời trẻ dại

Thấy mình chín chắn hơn

Đi qua mùa lá rụng

Thấy đời rất vô thường...

CHÙA THƯỜNG QUANG

Chùa Thường Quang (2A Bến Phú Định phường 16, Quận 8) do Thượng Toạ Thích Chơn Tịnh khai sơn tạo tự và trụ trì từ năm 1983 đến nay.

Khởi đầu chùa chỉ là một am nhỏ, đến năm 1996 được công nhận là tịnh thất và đến năm 2000 chính thức được gọi là chùa Thường Quang.

Năm 2000 chùa trùng tu, lần lượt xây chánh điện, nhà tăng và giảng đường, tạo nên một quần thể trang nghiêm như hiện nay.

Chùa có 02 chư tăng thường trú và 06 chư tăng tạm trú đều theo học các lớp Cao cấp và Trung cấp Phật giáo, đã tổ chức 05 lần an cư kiết hạ. Những năm về trước chùa chỉ tổ chức cắm túc tại chỗ, trung bình trên 30 chư tăng tham dự. Năm 2013, Ban Trị Sự GHPGVN. Q8 chính thức giao nhiệm vụ cho chùa Thường Quang tổ chức an cư kiết hạ với 57 tăng chúng tham dự. Mỗi tháng chùa tổ chức cho Phật tử hai thời sám hối vào giữa và cuối tháng. Đa số Phật tử của chùa đều gắn bó với Thượng toạ trụ trì trong công tác từ thiện xã hội.

Trong công tác từ thiện xã hội, chỉ riêng năm 2012, Thượng toạ

Thích Chơn Tịnh đã vận động các nhà hảo tâm trên 10 tỷ đồng để thực hiện chương trình xây dựng nhà nhà tình thương, chăm lo cho người nghèo, người tàn tật, xây cầu, mổ mắt, phụ khoa, số lượng người được mổ mắt trên 1000 người. Địa bàn thực hiện từ thiện xã hội của Thượng toạ Thích Chơn Tịnh trải dài từ Bắc đến Nam, kể cả Lào và Campuchia, trọng tâm với chương trình tặng xe lăn, xe, lác, mổ mắt. Chỉ riêng trong dịp tết 2013, chùa Thường Quang đã tặng bốn căn nhà tình thương và 200 thẻ bảo hiểm y tế tự nguyện cho đồng bào nghèo tại Quận 8. Chăm lo suốt đời cho ba Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng, tặng quà

tết cho hai Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, hỗ trợ 20 Cựu chiến Binh gặp khó khăn mỗi suất 500.000đ và 300 phần quà Tết cho người dân nghèo mỗi suất 400.000đ. Là Phó Ban TTXH của báo Giác Ngộ, hằng năm Thượng tọa cũng đã góp sức vận động để xây dựng quỹ của báo Giác Ngộ bình quân trên 30 tỷ đồng.

Có được các kết quả trên là nhờ công sức vận động không ngừng của Thượng tọa Thích Chơn Tịnh. Thầy chia sẻ: “*Quá trình từ khi đi vận động đến ngày trao quà thật gian nan vất vả. Gian nan vất vả thầy không quan ngại, miễn sao có tiền và quà để chăm lo cho người dân có hoàn cảnh khó khăn là thầy vui lắm rồi*”.

Đạo Phật đề cao lòng từ bi nhân ái. Từ khi truyền vào Việt Nam, tinh thần cứu khổ cứu nạn của Đức Phật được phát huy rộng rãi, đây là nguyên nhân quan trọng giúp cho Phật giáo gắn chặt và đồng hành cùng dân tộc Việt Nam. Thế nên người làm công tác từ thiện xã hội, nhất là người tu hành luôn xuất phát từ lòng yêu thương chân thành, thực hiện

*Vui thay, chúng ta sống,
Không rộn giữa rộn ràng;
Giữa những người rộn ràng,
Ta sống, không rộn ràng.*

*Vui thay chúng ta sống;
Không gì, gọi của ta.
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,
Như chư thiên Quang Âm.*

Kinh Pháp Cú

với tất cả tâm huyết cùng với sự quan tâm sâu sắc đối với những cảnh đời bất hạnh. Thượng tọa Thích Chơn Tịnh đã thể hiện được những điều này.

Kính chúc Thượng Tọa Thích Chơn Tịnh, thân tâm thường an lạc, phát huy hơn nữa những thành quả trong công tác từ thiện xã hội trong tinh thần hoằng pháp, làm lợi lạc cho quần sanh, thể hiện lý tưởng của người con Phật, đúng với tôn chỉ “Phật pháp bất ly thế gian pháp”.

Vu Lan Trong Văn Hoá Dân Gian

Lễ Vu Lan chính thức được bắt nguồn từ một bản kinh ngắn của Phật giáo Đại Thừa “Phật Thuyết kinh Vu Lan Bồn”, do Ngài Trúc Pháp Hộ dịch từ tiếng Phạn sang tiếng Hán vào đời Tây Tấn, khoảng năm 750-810 Công nguyên và được truyền vào Việt Nam không rõ năm nào.

Chữ Vu Lan phiên âm theo chữ Phạn *Ulambana*, chữ Hán dịch là *Giải Đào huyền*. *Giải* có nghĩa là gỡ ra khỏi vướng mắc, cởi trói buộc, giải mê lầm; *Đào* là ngược, cũng có nghĩa là những hành động điên đảo sai lầm; *Huyền* là treo. Như vậy *Giải đào huyền* với ý nghĩa sâu xa là giải thoát khỏi những nỗi phiền não, những dây luyến ái đã từng trói buộc cái tâm tham, tâm sân, tâm si.

Theo truyền thuyết, Bồ tát Mục Kiền Liên tìm mẹ dang cơm ở chốn địa ngục. Bà Thanh Đề chụp ngay bát cơm khi Ngài Mục Kiền Liên dâng lên, một tay

che không cho người khác thấy, vì sợ bị giạt, một tay bốc ăn, nói lên cái tâm mê muội tham lam của con người và hình ảnh khi bà đưa tay bốc cơm thì cơm hoá than hồng, bụng đói mà không ăn được nói lên cảnh giới địa ngục. Thực ra ba cảnh giới ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh hay còn gọi là ba đường ác, có thể xuất hiện bất cứ lúc nào trong con người chúng ta. Lúc nào chúng ta nóng giận là lửa địa ngục sân hận bùng cháy, lúc nào tham dục nảy sinh thì chúng ta sống trong cảnh giới ngạ quỷ. Địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh là những nơi thọ quả báo của những

chúng sanh gieo trồng nhân tham lam, sân hận và si mê.

Người Trung hoa còn gọi lễ này là Vu Lan Bồn, chữ *Bồn* nghĩa là chậu, dùng để diễn nghĩa chậu thức ăn dâng cúng. Như vậy lễ Vu lan hay Vu Lan Bồn có nghĩa là lễ dâng cúng thức ăn lên Tam bảo để xin chú nguyện cho ông bà, cha mẹ, những người quá cố trong bảy đời gọi là cửu huyền thất tổ. Nếu ai đã làm điều tội lỗi ở trần gian, khi mãn phần đọa vào địa ngục, sẽ được nhờ ân đức Tam bảo ra khỏi địa ngục, sanh về cõi an lành khác. Dân gian dựa vào đó, tin rằng ngày ấy có nhiều vong hồn được ra khỏi địa ngục, bao nhiêu ngày bị giam cầm trong địa ngục phải đói ăn, khát uống, với lòng từ bi người ta cúng vật phẩm cho các vong hồn ấy được ăn uống. Vì cúng thức ăn mặn, nên chỉ cúng từ ngày 16 trở đi cho hết tháng bảy.

Rằm tháng Bảy là ngày “xá tội vong nhân”, việc cúng kiến bao giờ cũng tổ chức đầu tiên tại chùa, rồi mới cúng tại nhà. Việc này được làm ban ngày, tránh vào ban đêm, khi mặt trời đã lặn. Vào ngày này, gia đình đều cúng hai

mâm cơm; cúng tổ tiên tại bàn thờ tổ tiên và cúng chúng sinh ở trước sân nhà, thời gian cúng có thể vào buổi sáng, trưa hoặc chiều. Trên mâm cúng tổ tiên, gia đình bày một mâm cỗ mặn, tiền vàng vật dụng dành cho người cõi âm làm bằng giấy như quần áo, giày dép... để mong người âm cũng được cuộc sống tiện nghi như khi ở dương trần. Trên mâm cúng chúng sinh, lễ vật gồm có quần áo với nhiều màu sắc, các loại bông ngô, chè lam, kẹo vừng, kẹo dổi, bánh quế, cháo, tiền vàng, cốc nước lã, gạo trộn với muối sẽ được rải ra sân hè, bốn phương tám hướng sau khi cúng xong. Ngô, khoai lang luộc, cháo hoa và những lễ vật khác dành cúng cô hồn. Sau khi cúng xong, nhà Chùa thường gọi những đứa trẻ chung quanh đến rồi cho chúng nhảy vào tranh cướp những vật cúng.

Ngày nay, trong nhân gian, lễ cúng cô hồn vào ngày rằm tháng Bảy vẫn còn diễn ra tùy theo khả năng kinh tế của từng gia đình. Khá giả thì mâm cỗ đầy, kém hơn thì mâm cơm bình thường hoặc cháo trắng, nhưng trong

mâm cúng lúc nào cũng có bày các loại bánh trái, cùng tiền giấy vàng mã. Đặc biệt ở nông thôn miền Tây Nam bộ, người ta thường bày mâm cúng trên các bè chuối hoặc bắp dừa và đặt mâm cúng ở các ngã ba sông rạch, vàm. Gia chủ thắp nhang khấn vái, mời vong hồn của Chiến sĩ tử vong, đồng bào tử nạn, Hà sa nạ quý, Thập loại cô hồn về nhậm lễ và dùng cây gõ lên gáo dừa, sau đó người ta đốt vàng mã, rải gạo muối, rồi dùng sào đẩy bè ra giữa dòng để bè tự trôi theo con nước. Lúc này trẻ em nhảy xuống sông, bơi theo bè cúng, tranh nhau những vật phẩm cúng trên bè mà ăn.

Rằm tháng Bảy, tùy từng gia đình, người ta dâng thức ăn ngon, biếu quần áo mới cho cha mẹ, dù nghèo túng đến đâu con cháu cũng có một thứ gì đó để bày tỏ tấm lòng. Nếu cha mẹ mất rồi thì đốt ít vàng mã gửi nơi suối vàng. Đó là thể hiện chữ Hiếu trong đời sống con người, bắt nguồn từ giáo lý nhân sinh của Phật giáo. Còn là ngày “Xá tội vong nhân”, để thể hiện tấm lòng vị tha với những linh hồn bơ vơ, bên cạnh mâm

cổ gia đình, người ta cũng không quên bày những mâm lễ cúng cô hồn, để cho những linh hồn ấy thụ hưởng. Đó là việc thiện, nét đẹp văn hoá dân tộc, lấy cái Tâm làm trọng như lời Phật dạy, vì thế những tục lệ này cần được bảo tồn. Tuy nhiên, khi đời sống được cải thiện, người ta đua nhau đốt vàng mã, đã có những thống kê, ngày rằm tháng bảy hằng năm, người ta hao tốn đến hằng trăm tỉ đồng sắm sang hàng mã rồi đốt thành mây khói.

Việc lễ bái trong lễ Vu Lan là tùy tâm của mỗi người, riêng với việc đốt vàng mã là một biến tướng trong thời kinh tế thị trường. Giáo lý nhà Phật không khuyến dạy điều này. Thế nên, hãy đốt những nén nhang lên bàn thờ với lòng chân thành và tiết kiệm những khoản chi tiêu lãng phí trong việc đốt vàng mã để san sẻ khó khăn của những hoàn cảnh bất hạnh. Chắc rằng người đã khuất cũng vui lòng vì thấy con cháu vừa có hiếu với tổ tiên vừa có trách nhiệm với cộng đồng.

Bông hồng cài áo.

Phạm Thế Mỹ

Một bông hồng cho em một bông hồng cho anh và một bông hồng cho những
ai cho những ai đang còn Mẹ đang còn Mẹ để lòng vui sướng hơn Rồi mai này Mẹ hiền có mái
đài như đóa hoa không mất trời như trẻ thơ không nu cười ngờ đời mình không lớn khôn
thêm như bầu trời thiếu ánh sao đêm

Mẹ	Mẹ	là	dòng	suối	địu	hiền
Mẹ	Mẹ	là	lun	mía	ngọt	ngào

Mẹ Mẹ là bài hát thần tiên là bông mai trên cao là
Mẹ Mẹ là nãi chuối buồng cau là tiếng đờ đằm thâu là

mắt sáng trăng sao là ánh đuốc trong đêm khi lạc lối Rồi một chiều nào đó anh
nắng ấm nắng đầu là vồn lòng yêu thương cho cuộc... đời.

vẻ nhìn Mẹ yêu nhìn thật lâu rồi nói nói với Mẹ rằng Mẹ ơi Mẹ ơi Mẹ có biết hay
không Biết gì biết là biết là con thương Mẹ không Đóa hoa màu hồng vừa cài lên
áo đó anh Đóa hoa màu hồng vừa cài lên áo đó em thì
xin anh thì xin em hãy cùng tôi vui sướng đi hãy cùng tôi vui sướng đi

HƯƠNG THIÊN 25

NHIỀU TÁC GIẢ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ TP.HCM

88 - 90 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM

ĐT: (08) 39316435 - 38249528 - 35260124 - 39142419 - 39142890

Fax: (08) 39316435

Email: nxbvannghe@vnn.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Huỳnh Thị Xuân Hạnh

Biên tập: Kim Phước

Sửa bản in: Bảo Bảo

Trình bày: Hương Thiên Design

Bìa: Cát Tường

Liên kết xuất bản: Hương Thiên Books

In lần thứ nhất. Số lượng 1.000 cuốn khổ 14 x 20 cm

Tại: Công ty in Thành Tiến 195/37D Bùi Minh Trực, P.5, Q.8, TP.HCM

Số đăng ký xuất bản: 64-2013/CXB/81-01/VHVN

QĐXB số: 230/QĐ-NXBVHVN ngày 29/07/2013

In xong và nộp lưu chiểu quý 3 năm 2013

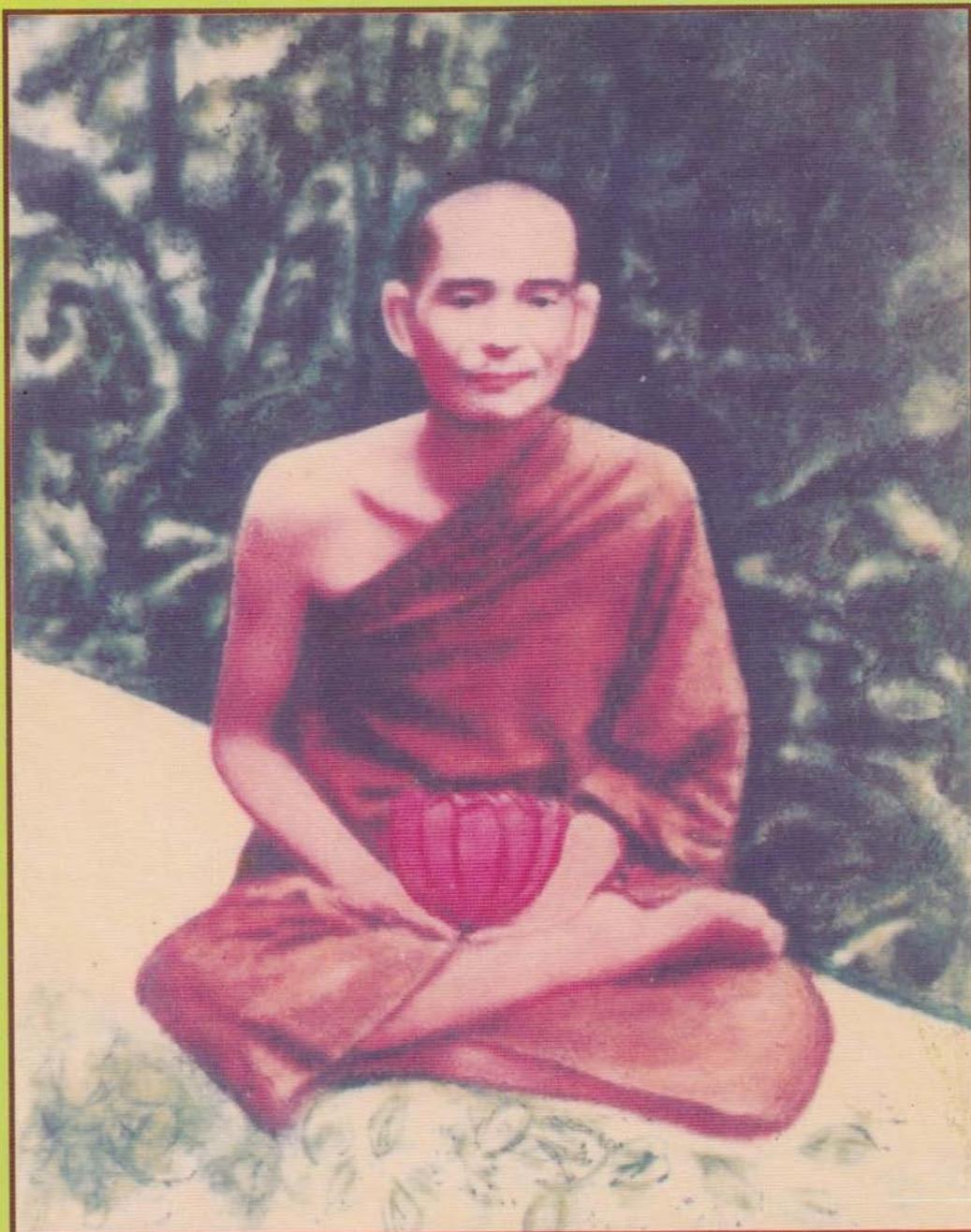


Phật Thầy Tây An (1807 - 1856)



Tây An Cổ Tích Tự (Nghĩa Thành, Châu Đức, Bà Rịa Vũng Tàu)

(trang 85)



Hòa Thượng thượng Thiện hạ Phước (1924-1986)
Tổ khai sơn Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng

Giá: 15.000 đồng